



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN**

Website: <http://moitruongdothibinhthuan.vn/>



**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN  
2019**

# MỤC LỤC

## THÔNG TIN CHUNG

|                                  |    |
|----------------------------------|----|
| Thông tin khái quát              | 07 |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 09 |
| Thông tin về mô hình quản trị    | 10 |
| Định hướng phát triển            | 11 |
| Các rủi ro                       | 13 |

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

|   |    |
|---|----|
| Tình hình hoạt động kinh doanh            | 19 |
| Tổ chức nhân sự                           | 20 |
| Tình hình tài chính                       | 28 |
| Tình hình cổ đông thay đổi vốn chủ sở hữu | 29 |
| Trách nhiệm với môi trường cộng đồng      | 38 |

## BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

|   |    |
|---|----|
| Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh              | 33 |
| Tình hình tài chính   | 36 |
| Báo cáo đánh giá liên quan trách nhiệm môi trường và xã hội | 37 |
| Công tác điều hành triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh | 38 |
| Giải trình của BGD đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ       | 38 |

## **BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

|  |    |
|--|----|
| Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh                       | 41 |
| Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc | 41 |
| Kế hoạch định hướng của HĐQT                                 | 42 |

## **BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY**

|   |    |
|---|----|
| Danh sách thành viên HĐQT                               | 45 |
| Các cuộc họp của HĐQT                                   | 45 |
| Các nghị quyết/quyết định trong năm                     | 46 |
| Danh sách thành viên BKS                                | 47 |
| Hoạt động của BKS năm 2019                              | 48 |
| Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BGĐ và cổ đông | 49 |
| Phương hướng hoạt động của BKS năm 2020                 | 50 |
| Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích               | 51 |

|                                       |           |
|---------------------------------------|-----------|
| <b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN</b> | <b>53</b> |
|---------------------------------------|-----------|





## THÔNG TIN CHUNG

---

THÔNG TIN KHÁI QUÁT  
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH  
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ  
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN  
CÁC RỦI RO

# THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty:

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG  
VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN**

Tên tiếng Anh:

**BINH THUAN ENVIRONMENT URBAN  
SERVICE JOINT STOCK COMPANY**

**Giấy chứng nhận ĐKDN số:** 3400861721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/04/2010, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 29/04/2016.

**Địa chỉ:** 578 Trần Hưng Đạo, phường Đức Long, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Vốn điều lệ :



**27.532.800.000** đồng



(0252) 3819572  
(0252) 3818361



(0252) 3819572



moitruongdothibinhthuan@gmail.com



www.moitruongdothibinhthuan.vn



Mã cổ phiếu:

**BMD**

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN



**1985**

Công ty Quản lý Công trình Công cộng được thành lập vào tháng 6/1985 thực hiện các dịch vụ vệ sinh môi trường, duy tu sửa chữa điện chiếu sáng chăm sóc vườn hoa công viên cây xanh, duy trì hệ thống thoát nước và thực hiện các dịch vụ sản xuất kinh doanh là đơn vị hạch toán độc lập.



**1993**

Mặc dù các điều kiện về lao động, tài sản, giá trị sản lượng, quy mô hoạt động lớn như trực thuộc thị xã Phan Thiết quản lý nên Công ty không được xác định là Doanh nghiệp Nhà nước (theo Nghị định 388/HĐBT). Do vậy, Công ty được đổi tên và chuyển thành “Ban Quản lý Công trình Công cộng”, là đơn vị hành chính sự nghiệp, hoạt động theo phương thức “thực thanh thực chi”.



**1995**

Tháng 01/1995, với tốc độ đô thị hóa phát triển nhanh, các công trình phúc lợi, hạ tầng đô thị được Tỉnh và Thị xã đầu tư; các hoạt động dịch vụ mang tính đặc thù của đơn vị gắn với sự phát triển của thành phố vì vậy mô hình đơn vị hành chính không còn phù hợp, UBND Tỉnh đã có quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 17/01/1995 chuyển Ban Quản lý Công trình Công cộng thành “Công ty Công trình Đô thị Phan Thiết”, xác định là đơn vị sự nghiệp kinh tế, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập thuộc UBND thị xã Phan Thiết quản lý, trụ sở tại số 578 đường Trần Hưng Đạo - Phan Thiết.



## 2010

Ngày 01/02/2010, UBND Tỉnh có quyết định số 295/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Thuận thành lập Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Phan Thiết trên cơ sở vốn, tài sản, lao động của Công ty Công trình Đô thị Phan Thiết.



## 2016

Ngày 29/04/2016, Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400861721 thay đổi lần thứ nhất.

Ngày 26/09/2016, Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng.



## 2012

Ngày 27/11/2012, UBND tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 2377/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết và Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Bình Thuận.



## 2017

Ngày 14/06/2017, Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận chính thức lên sàn giao dịch Up-COM, với tổng giá trị niêm yết là 27.532.800.000 đồng, mã chứng khoán là BMD.



## 2015

Ngày 12/06/2015, UBND tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 1491/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết.

Công ty tổ chức bán đấu giá ra công chúng lần đầu ngày 04/11/2015 tại trụ sở Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết. Số lượng cổ phần bán đấu giá thành công: 470.422 cổ phần, giá bán thành công bình quân: 10.003 đồng/cổ phần



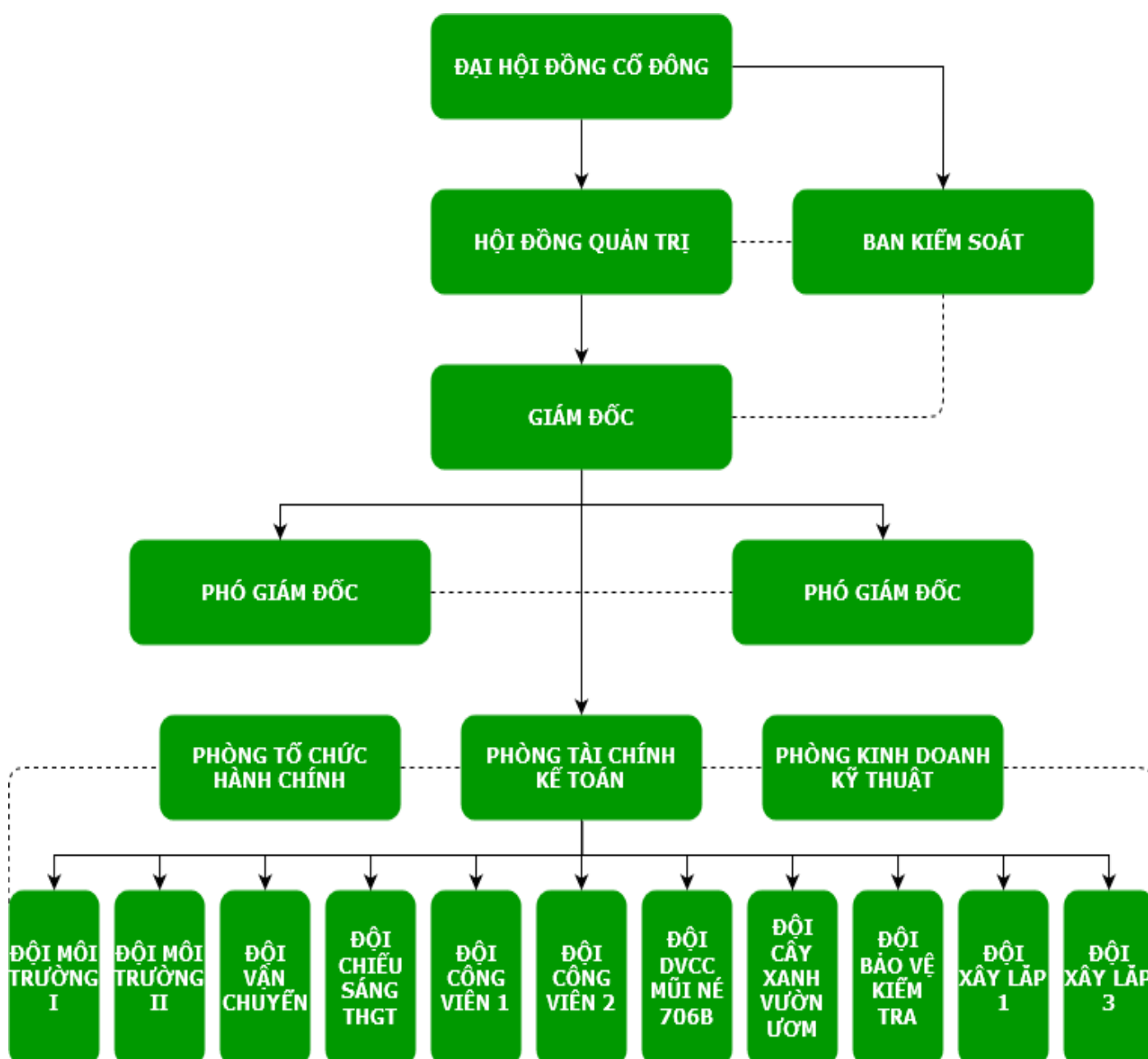


# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

| STT | Tên ngành   | Mã ngành        |
|-----|---|-----------------|
| 1   | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;  | 3900<br>(Chính) |
| 2   | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh (Trồng cây, cây cảnh, chăm sóc công viên và cây xanh công cộng);           | 0118            |
| 3   | Trồng rừng và chăm sóc rừng (Ươm giống cây lâm nghiệp);   | 0210            |
| 4   | Trồng cây lâu năm khác;   | 0129            |
| 5   | Sửa chữa máy móc, thiết bị;   | 3312            |
| 6   | Sửa chữa thiết bị điện;   | 3314            |
| 7   | Thoát nước và xử lý nước thải;  | 3700            |
| 8   | Thu gom rác thải không độc hại;   | 3811            |
| 9   | Thu gom rác thải độc hại;   | 3812            |
| 10  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;   | 3821            |
| 11  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;   | 3822            |
| 12  | Tái chế phế liệu;   | 3830            |
| 13  | Xây dựng nhà các loại;  | 4100            |
| 14  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;  | 4200            |
| 15  | Xây dựng công trình công ích  | 4220            |
| 16  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp); | 4290            |
| 17  | Phá dỡ  | 4311            |
| 18  | Chuẩn bị mặt bằng   | 4312            |
| 19  | Lắp đặt hệ thống điện (thi công lắp đặt hệ thống điện trung - hạ thế, trạm biến áp, điện chiếu sáng, tín hiệu giao thông) | 4321            |
| 20  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí   | 4322            |
| 21  | Hoàn thiện công trình xây dựng (trang trí nội, ngoại thất công trình)   | 4330            |
| 22  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác  | 4520            |
| 23  | Cho thuê xe có động cơ  | 7710            |
| 24  | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác  | 8129            |
| 25  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan   | 8130            |
| 26  | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề   | 9321            |
| 27  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét   | 0810            |

|    |   |      |
|----|---|------|
| 28 | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)   | 4931 |
| 29 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ  | 4933 |
| 30 | Vệ sinh chung nhà cửa   | 8121 |
| 31 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |
| 32 | Hoạt động thiết kế chuyên dụng  | 7410 |
| 33 | Hoạt động tư vấn quản lý  | 7020 |
| 34 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                   | 7110 |

## THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Công ty con, công ty liên kết: không có

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Thành phố Phan Thiết cũng như là toàn Tỉnh Bình Thuận trong những năm gần đây đang có tốc độ phát triển nhanh theo hướng xã hội hiện đại, đặc biệt chủ trương của Thành phố là đẩy mạnh phát triển ngành du lịch, đây sẽ là điểm thuận lợi cho Công ty do có địa bàn hoạt động chính là ở Phan Thiết và chiếm thị phần lớn ở đây. Vì vậy Công ty đã xác định đẩy mạnh ngành nghề kinh doanh dịch vụ, thay đổi để bám sát theo chiều hướng phát triển của thị trường.

Công ty hướng tới cung cấp các sản phẩm và dịch vụ môi trường đáp ứng nhu cầu về phòng tránh ô nhiễm và bảo vệ môi trường; các hoạt động kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải; các hoạt động góp phần tăng hiệu quả sử dụng, tăng năng suất lao động và tăng hiệu quả kinh tế; các hoạt động thu gom các loại chất thải từ các hoạt động trong xã hội. Tăng cường và mở rộng địa bàn phát triển hoạt động dịch vụ - kinh doanh và thi công xây dựng trong toàn tỉnh. Bên cạnh đó, tìm kiếm các dự án, công trình ngoài ngành chủ lực phù hợp với năng lực Công ty để mở rộng sản xuất, nhằm tăng doanh thu và hoạt động Công ty.

Nâng cao chất lượng từng mặt hoạt động cũng như trình độ lao động để đảm bảo hiệu quả kinh doanh trên mọi lĩnh vực. Không ngừng củng cố, hoàn thiện bộ máy tổ chức đáp ứng đầy đủ nhu cầu, nhiệm vụ trong thời gian tới.

Chăm lo đời sống, đảm bảo tinh thần và đảm bảo thu nhập cho người lao động theo khuynh hướng năm sau cao hơn năm trước.

Tiếp tục mở rộng nâng cao mối quan hệ với các đối tác trong và ngoài ngành.

Nhiệm vụ trọng tâm vẫn là ổn định được các hoạt động cung ứng dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố, nâng cao chất lượng dịch vụ, giữ vững địa bàn hoạt động cũng như các hợp đồng truyền thống của Công ty, đây là vấn đề có tính chất quyết định đến yếu tố thành công, phát triển hoặc thất bại của Công ty.

Tiếp tục xây dựng, bổ sung, sửa đổi các quy chế nội bộ nhằm phục vụ công tác điều hành, quản lý được thống nhất, đạt hiệu quả cao.

Tiếp tục nghiêm cứu đầu tư công nghệ, máy móc thiết bị phù hợp vừa tiết kiệm, vừa bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả cho Công ty.

Nâng cao chất lượng lao động, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả.

Triển khai phương án xử lý lao động và xử lý khó khăn vướng mắc trong thực hiện lộ trình thoái vốn nhà nước theo quy định của Chính phủ và chủ sở hữu nhà nước.

## Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Cung ứng các dịch vụ an toàn, chất lượng, xây dựng uy tín cho BMD, xây dựng niềm tin cho người dân đối với các hoạt động kinh doanh của BMD nhằm đảm bảo môi trường, cảnh quan thành phố luôn thân thiện, thoáng mát và sạch sẽ.

Ngày càng nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động trong Công ty. Khuyến khích người lao động tham gia các hoạt động tình nguyện của Công ty tổ chức và thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững, nâng cao giá trị sống.

Hành động thiết thực và chung tay góp sức đối với các vấn đề cộng đồng và xã hội.

## Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty là đơn vị thực hiện nhiệm vụ công ích nên các hoạt động của Công ty đều chú trọng nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn, tiêu chí về môi trường, góp phần làm cho cảnh quan môi trường thành phố Phan Thiết ngày càng sáng - xanh - sạch - đẹp. Đồng thời phải tuân thủ luật Bảo vệ Môi trường và các quy định chung của Nhà nước.

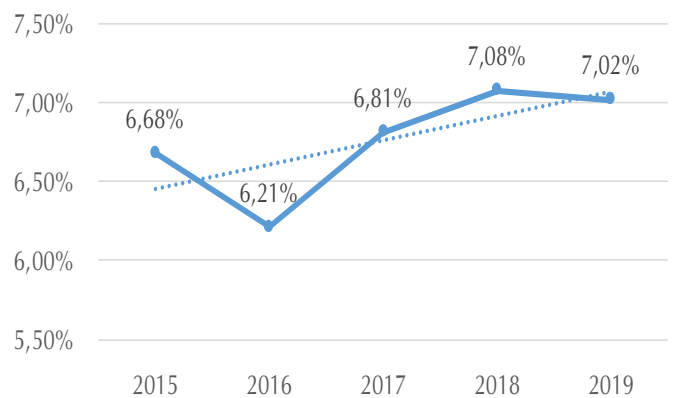


# CÁC RỦI RO

## Rủi ro kinh tế

Ở những quốc gia phát triển, nhu cầu về đời sống và môi trường sống luôn được người dân chú trọng và đặt lên hàng đầu, do đó có thể nói việc tăng trưởng kinh tế và sự phát triển của những ngành dịch vụ có mối quan hệ tương quan, đặc biệt là những ngành dịch vụ về môi trường. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, Tổng sản phẩm quốc nội GDP năm 2019 đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, vượt qua cả mục tiêu được đề ra ban đầu là 6,6% - 6,8%. Riêng về chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP), trong vòng 11 tháng trong năm 2019, ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2018. Qua những chỉ số về tăng trưởng kinh tế và chỉ số về sản xuất công nghiệp nêu trên, ta có thể thấy khi mà thu nhập của người dân trong nước tăng cao thì nhu cầu về đời sống cũng như đảm bảo về môi trường cũng sẽ được nâng cao, vì vậy những doanh nghiệp hoạt động trong ngành dịch vụ nói chung và dịch vụ về môi trường nói riêng sẽ có nhiều cơ hội để phát triển hơn. Nhưng bên cạnh đó, cũng cần phải đề phòng những khả năng khi mà tốc độ tăng trưởng kinh tế quá nhanh đồng nghĩa với việc nguy cơ ô

nhiễm môi trường cao hơn, sẽ có rất nhiều khó khăn trong việc quản lý lượng nước thải và khí thải xả ra môi trường. Theo số liệu thống kê của Ban quản lý các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, hiện tại ở tỉnh Bình Thuận đang có 9 Khu Công nghiệp lớn đang hoạt động, vì vậy khi tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng nhanh sẽ kéo theo rất nhiều hệ lụy liên quan đến môi trường mà Công ty cần phải xem xét để kịp thời phối hợp với các cơ quan địa phương để đưa ra những phương án giải quyết kịp thời.



**Tăng trưởng GDP của Việt Nam qua các năm (%)**

## Rủi ro lạm phát

Lạm phát cơ bản bình quân năm 2019 tăng 2,01% so với bình quân năm 2018. Khi so với mức lạm phát mục tiêu được đề ra ở đầu năm là 3,3% - 3,9% thì mức lạm phát của nước ta năm nay thấp hơn nhiều so với mục tiêu đặt ra. Là công ty hoạt động trong ngành dịch vụ công cộng, công ty cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích theo đơn đặt hàng với những dịch vụ như: dịch vụ vệ sinh môi trường, thu gom vận chuyển rác thải, duy trì chăm sóc vườn hoa cây xanh, duy trì sửa chữa điện chiếu sáng công cộng, thoát nước và xử lý nước thải,... Do đó chi phí đầu vào chủ yếu của Công ty sẽ bao gồm chi phí xăng, dầu, điện, nước, chi phí nhân công,... dẫn đến nếu lạm phát làm biến đổi sẽ kéo theo các chi phí đầu vào của công ty biến đổi theo, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Các chi phí đầu vào của Doanh nghiệp hoàn toàn có thể thay đổi nhưng giá dịch vụ đầu ra của hầu hết các dịch vụ công ích bị kiểm soát bởi các cơ quan ban ngành và phụ thuộc vào khu-

ng quy định chung, dẫn đến việc cân bằng thu chi gặp nhiều khó khăn. Vì vậy Công ty luôn phải tính toán, ước tính số lượng công nhân cần thiết để giảm thiểu chi phí đầu vào, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào hoạt động cung cấp dịch vụ và nâng cao trình độ đội ngũ nhân lực, để từ đó cải thiện cơ cấu chi phí nguyên vật liệu đầu vào và giảm thiểu rủi ro lạm phát.



## Rủi ro về ý thức của người dân

Hiện nay có thể nói ý thức bảo vệ môi trường ở nước ta còn chưa thực sự được đa số người dân chú trọng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, nội trong tháng 12/2019, trên cả nước, cơ quan chức năng đã phát hiện 1.118 vụ vi phạm môi trường, trong đó xử lý 1.025 vụ. Tính trên cả năm 2019, đã phát hiện 12.399 vụ vi phạm môi trường trên địa bàn cả nước, trong đó xử lý 11.236 vụ với tổng số tiền phạt hơn 134 tỷ đồng. Qua các số liệu trên ta có thể thấy ý thức của người dân nước ta trong việc bảo vệ môi trường còn rất thấp, việc xả rác bừa bãi phá hủy môi trường vẫn còn diễn ra hàng ngày và ở mọi lứa tuổi. Vì vậy, để nâng cao ý thức của người dân, Công ty luôn chủ động phối hợp với cơ quan địa phương trong việc đẩy mạnh tuyên truyền, đưa việc bảo vệ môi trường vào trong nội dung các cuộc họp tổ dân phố, thường xuyên phát động các phong trào xanh - sạch - đẹp, từ đó, góp phần nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường.

## Rủi ro an toàn lao động

Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết, trong giai đoạn 2016-2019, tần suất tai nạn lao động chết người đã giảm 10,77%. Tuy nhiên, số vụ tai nạn lao động ở mức nghiêm trọng nhìn chung thì vẫn chưa giảm. Có thể nói hiện nay ở nước ta những quy định nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động tuy đã được chú trọng rất nhiều nhưng vẫn còn nhiều bất cập. Đặc biệt là khi Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ môi trường và công cộng, phần lớn người lao động phải thực hiện công việc ngoài trời nên chịu ảnh hưởng lớn từ thời tiết, thường xuyên phải làm việc ở những môi trường có nhiều rác thải độc hại và dọc các tuyến đường giao thông qua lại đông đúc,... dẫn đến khả năng xảy ra tai nạn đối với nhân viên Công ty là rất cao, mà một khi xảy ra tai nạn thì không những người lao động bị ảnh hưởng mà ngay cả hình ảnh của Công ty cũng chịu ảnh hưởng xấu. Chính vì thế, Công ty luôn chủ động xây dựng quy trình, biện pháp làm việc an toàn; thường xuyên kiểm tra, kịp thời thay thế các công cụ bảo hộ lao động không đáp ứng yêu cầu để bảo đảm an toàn tốt nhất cho người lao động.



## Rủi ro cạnh tranh

Lĩnh vực hoạt động của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn khi xuất hiện một số Công ty tư nhân tham gia hoạt động cùng ngành, cùng lĩnh vực. Hiện nay, Chính phủ đã và đang khuyến khích tư nhân tham gia thực hiện các dịch vụ công ích thông qua việc áp dụng hình thức đấu thầu thay vì chỉ định nhà thầu như trước đây, cung cấp dịch vụ công ích không còn là ngành nghề độc quyền, Công ty sẽ phải đối mặt với áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp khác, đặc biệt khi cơ chế đặt hàng cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường không còn; thay vào đó là việc phải đấu thầu cung cấp dịch vụ. Năm 2020 là năm doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn trong công tác chỉ đạo điều hành doanh nghiệp; là năm đầu tiên thực hiện đấu thầu trên toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp hoạt động chăm sóc cây xanh công viên trên địa bàn Thành Phố Phan Thiết, Vệ sinh Môi trường, duy tu điện chiếu sáng công lộ, duy tu đèn tín hiệu giao thông, trang trí đường phố ngày lễ tết. So với những doanh nghiệp cùng ngành hoạt động trên địa bàn, thế mạnh của Công ty là có bề dày hoạt động lâu năm, có kinh nghiệm trong hoạt động quản trị. Để thích nghi với môi trường cạnh tranh, Công ty luôn chú trọng vào các thế mạnh sẵn có của mình, duy trì các mối quan hệ với khách hàng cũ để đảm bảo thị phần nhằm giữ vững vị thế của mình, đồng thời cũng đưa ra các chiến lược mới phù hợp với quá trình hội nhập để có thể giảm thiểu tối đa những rủi ro cạnh tranh mà Công ty gặp phải.



## Rủi ro pháp luật

Là một doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý thải rắn sinh hoạt, do vậy Công ty chịu sự ảnh hưởng trực tiếp từ các thông tư, nghị định, văn bản pháp luật quy định trong lĩnh vực môi trường và đô thị của Việt Nam như Luật Bảo vệ môi trường, chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động bảo vệ môi trường (Nghị định 19/2015/NĐ-CP)... Bên cạnh đó, BMD cũng là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty đại chúng. Do vậy, Công ty chịu sự quản lý và tác động của các quy định pháp luật chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Thương mại,...

Hiện nay, những cơ chế, chính sách khuyến khích của Nhà nước còn chưa rõ ràng và chưa đủ hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư tham gia vào ngành công nghiệp môi trường, đồng thời hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn chưa đầy đủ, chưa đồng bộ, chế tài chưa đủ mạnh để răn đe những kẻ phá hoại môi trường,...

Do đó trong thời gian tới nhà nước sẽ còn thay đổi rất nhiều về mặt pháp luật và Công ty sẽ tiếp tục thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo tuân thủ pháp luật.



## Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, còn nhiều rủi ro mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như hỏa hoạn, bệnh dịch,... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty. Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó như: tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch và mở các lớp huấn luyện phòng cháy chữa cháy cho công nhân viên cũng như người dân,... nhằm nâng cao ý thức, giảm thiểu thiệt hại về người và của.









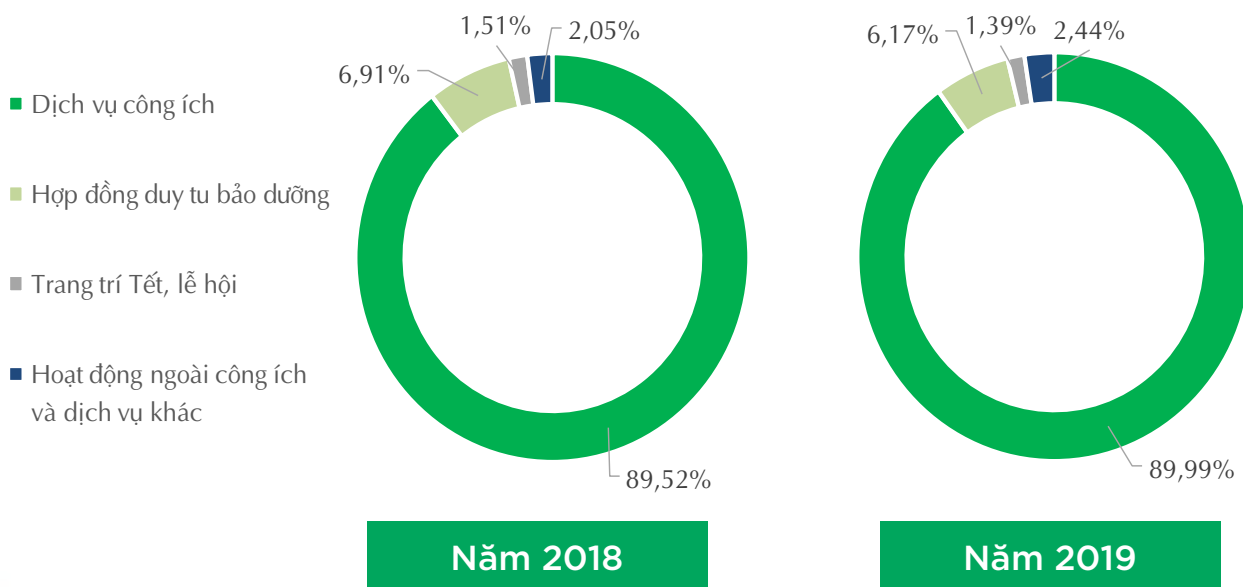
## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

---

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH  
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ  
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN  
TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU  
TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| Chỉ tiêu                                 | Năm 2018             |                | Năm 2019             |                | % tăng giảm   |
|--|----------------------|----------------|----------------------|----------------|---------------|
|  | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%)   | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%)   |               |
| Dịch vụ công ích                         | 73.263               | 89,52%         | 82.473               | 89,99%         | 12,57%        |
| Hợp đồng duy tu bảo dưỡng                | 5.657                | 6,91%          | 5.656                | 6,17%          | -0,02%        |
| Trang trí Tết, lễ hội                    | 1.239                | 1,51%          | 1.277                | 1,39%          | 3,07%         |
| Hoạt động ngoài công ích và dịch vụ khác | 1.677                | 2,05%          | 2.240                | 2,44%          | 33,57%        |
| <b>Tổng cộng</b>                         | <b>81.836</b>        | <b>100,00%</b> | <b>91.646</b>        | <b>100,00%</b> | <b>11,99%</b> |



Tiếp nối sự tăng trưởng của năm 2018, trong năm 2019, Công ty đã mang lại mức doanh thu ấn tượng khi đạt gần 92 tỷ đồng, tăng hơn 12% so với năm trước đó. Việc doanh thu thuần tăng chủ yếu đến từ lĩnh vực hoạt động chính là dịch vụ công ích khi do-

anh thu từ hoạt động này tăng hơn 9 tỷ đồng. Nhìn vào cơ cấu doanh thu, dịch vụ công ích vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt hơn 82 tỷ đồng. Các hoạt động trang trí dịp lễ, tết và các hoạt động, dịch vụ khác ngoài công ích có tăng nhưng không đáng kể.



| Giá trị                           | Năm 2018 | Năm 2019 | % Tăng giảm 2019/2018 |
|-----------------------------------|----------|----------|-----------------------|
| Doanh thu thuần                   | 81.836   | 91.646   | 11,99%                |
| Giá vốn bán hàng                  | 67.692   | 71.104   | 5,04%                 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 14.144   | 20.542   | 45,24%                |
| Lợi nhuận khác                    | (58)     | (682)    | -1077,17%             |
| Lợi nhuận trước thuế              | 3.449    | 7.493    | 117,24%               |
| Lợi nhuận sau thuế                | 2.740    | 5.836    | 112,98%               |

Khi xã hội ngày càng phát triển, dịch vụ công ích cũng dần trở nên cần thiết hơn và không thể thiếu đối với đời sống thường nhật của con người. Chính vì vậy, Công ty cũng luôn duy trì và tăng trưởng tương đối ổn định. Doanh thu thuần trong năm 2019 tăng 12% so với năm trước kèm với mức tăng của giá vốn hàng bán hợp lý giúp mang lại cho Công ty khoản

lợi nhuận gộp hơn 20,5 tỷ đồng, tăng 45,24% so với năm 2018. Nhận thấy rõ, do Công ty đã hạn chế việc kinh doanh những lĩnh vực nhỏ lẻ để tập trung chuyên môn hóa vào hoạt động công ích nên các khoản chi phí tăng trong năm không đáng kể. Từ đó, lợi nhuận sau thuế của BMD đạt con số ấn tượng khi đạt 5,8 tỷ đồng, vượt xa những năm trước đó.

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Danh sách Ban điều hành

Tính đến ngày 31/12/2019

| STT | Thành viên        | Chức vụ        | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-------------------|----------------|--------------------|--------------|
| 1   | Mai Hữu Việt      | Giám đốc       | 2.500              | 0,09%        |
| 2   | Đình Hồng Hà      | Phó Giám đốc   | -                  | -            |
| 3   | Trà Thị Thành     | Phó Giám đốc   | 53.900             | 1,96%        |
| 4   | Lê Thị Thanh Thủy | Kế toán trưởng | 33.000             | 1,20%        |



## Ông Mai Hữu Việt

**Ngày sinh** : 26/11/1971

**Trình độ văn hóa** : 12/12

**Trình độ chuyên môn** : Đại học Xây dựng cầu đường bộ - Trường Đại học Giao thông vận tải.

| Thời gian      | Chức vụ  |
|----------------|--|
| 1989 - 1992    | Công nhân Xí nghiệp Thủy sản Phan Thiết.   |
| 1992 - 1993    | Đi bộ đội Đoàn 915 - Quân khu 5, tiểu đội trưởng                                   |
| 1993 - 1994    | Công nhân Xí nghiệp Thủy sản Phan Thiết.   |
| 1994 - 1996    | Nhân viên văn phòng Thị ủy Thị xã Phan Thiết.                                      |
| 1996 - 2005    | Nhân viên phòng Quản lý Đô lý Đô thị Phan Thiết                                    |
| 2005 - 2013    | Chuyên viên và Phó chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND Thành phố Phan Thiết. |
| 2013 - 2014    | Phó trưởng Phòng quản lý đô thị Thành phố Phan Thiết.                              |
| 2014 - 04/2016 | Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết                         |
| 05/2016 - nay  | Giám đốc, thành viên HĐQT tại CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận         |

**Số cổ phần nắm giữ tại Công ty** : 470.557 cổ phần, chiếm 17,09% vốn điều lệ  
 Cá nhân: 2.500 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ  
 Đại diện: 468.057 cổ phần, chiếm 17% vốn điều lệ

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** : Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan** : Không có

## Ông Đinh Hồng Hà

**Ngày sinh** : 14/07/1978

**Trình độ văn hóa** : 12/12

**Trình độ chuyên môn** : Đại học, chuyên ngành Quản trị kinh doanh

| Thời gian   | Chức vụ   |
|-------------|---|
| 2001 - 2003 | Quản lý dự án phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI.        |
| 2004 - 2010 | Giám đốc Công ty TNHH Vĩnh Lộc.                                       |
| 2010 - 2013 | Giám đốc Công ty TNHH Đức Hiệp.                                       |
| 2006 - 2014 | Giám đốc Công ty Home Essential Việt Nam.                             |
| 2014 - 2017 | Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nhật Hoàng.                            |
| 2018 - nay  | Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận. |

**Số cổ phần nắm giữ tại Công ty** : 0 cổ phần

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** : Phó Giám đốc Tổng hợp Tập đoàn Nhật Hoàng - Công ty TNHH Nhật Hoàng.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan** : Không có



## Bà Trà Thị Thành

**Ngày sinh** : 05/11/1974

**Trình độ văn hóa** : 12/12

**Trình độ chuyên môn** : Đại học Kinh tế lao động - Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM.

| Thời gian         | Chức vụ   |
|-------------------|---|
| 1999 - 2006       | Nhân viên phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết. |
| 2006 - 2010       | Phó Phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết.       |
| 2010 - 11/2014    | Trưởng phòng Nhân sự hành chính Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết.    |
| 11/2014 - 04/2016 | Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết.                       |
| 05/2016 - nay     | Phó Giám đốc, thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận.       |

**Số cổ phần nắm giữ tại Công ty** : 521.957 cổ phần, chiếm 18,96% vốn điều lệ.  
 Cá nhân: 53.900 cổ phần, chiếm 1,96% vốn điều lệ.  
 Đại diện: 468.057 cổ phần, chiếm 17% vốn điều lệ.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** : Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan** : Không có

**Bà Lê Thị Thanh Thủy**

**Ngày sinh** : 19/02/1970

**Trình độ văn hóa** : 12/12

**Trình độ chuyên môn** : Đại học Tài chính kế toán doanh nghiệp - Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM.

| Thời gian     | Chức vụ   |
|---------------|---|
| 1992 - 1995   | Nhân viên kế toán tại Công ty Vật tư tổng hợp Phan Rang - Thuận Hải.          |
| 1995 - 1999   | Nhân viên Cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp Ninh Thuận.    |
| 1999 - 2005   | Nhân viên phòng Tài chính Doanh nghiệp Sở Tài chính Ninh Thuận.               |
| 2005 - 2014   | Nhân viên phòng Tài chính Doanh nghiệp Sở Tài chính Bình Thuận.               |
| 2014 - 4/2016 | Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết.                 |
| 5/2016 - nay  | Kế toán trưởng, thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận. |

**Số cổ phần nắm giữ tại Công ty** : 33.000 cổ phần, chiếm 1,20% vốn điều lệ.  
 Cá nhân: .....  
 Đại diện: .....

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** : Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan** : Không có



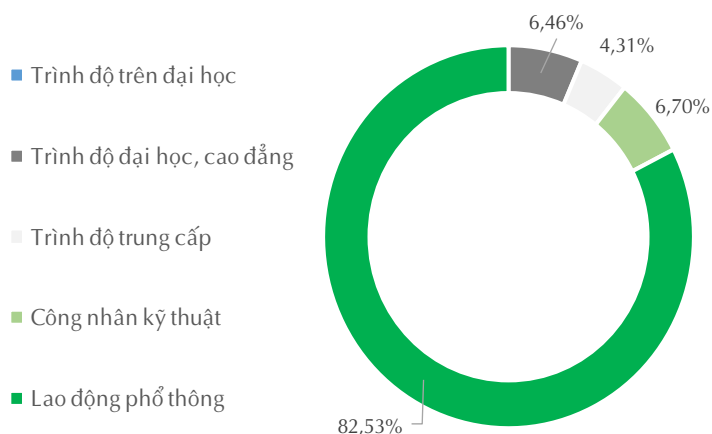
## Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2019: không có Số lượng cán bộ công nhân viên

| STT      | Tính chất phân loại                     | Số lượng (người) | Tỷ lệ (%)  |
|----------|---|------------------|------------|
| <b>A</b> | <b>Theo trình độ lao động</b>           | <b>418</b>       | <b>100</b> |
| 1        | Trình độ trên đại học                   | 00               | -          |
| 2        | Trình độ đại học, cao đẳng              | 27               | 6,46       |
| 3        | Trình độ trung cấp                      | 18               | 4,31       |
| 4        | Công nhân kỹ thuật                      | 28               | 6,70       |
| 5        | Lao động phổ thông                      | 345              | 82,53      |
| <b>B</b> | <b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b> | <b>418</b>       | <b>100</b> |
| 1        | Hợp đồng không thời hạn                 | 319              | 76,32      |
| 2        | Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)           | 00               | 00         |
| 3        | Hợp đồng xác định từ 1-3 năm            | 99               | 23,68      |
| <b>C</b> | <b>Theo giới tính</b>                   |                  |            |
| 1        | Nam                                     | 246              | 58,85      |
| 2        | Nữ                                      | 172              | 41,15      |

## Thu nhập bình quân

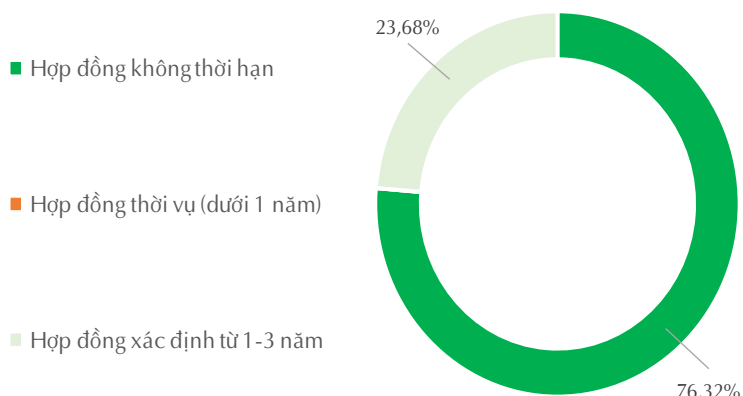
| STT | Năm  | Số lượng người lao động (người) | Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) |
|-----|------|---------------------------------|---------------------------------------|
| 1   | 2017 | 401                             | 6.254.000                             |
| 2   | 2018 | 414                             | 7.283.000                             |
| 3   | 2019 | 418                             | 7.870.000                             |

### Phân loại theo trình độ lao động



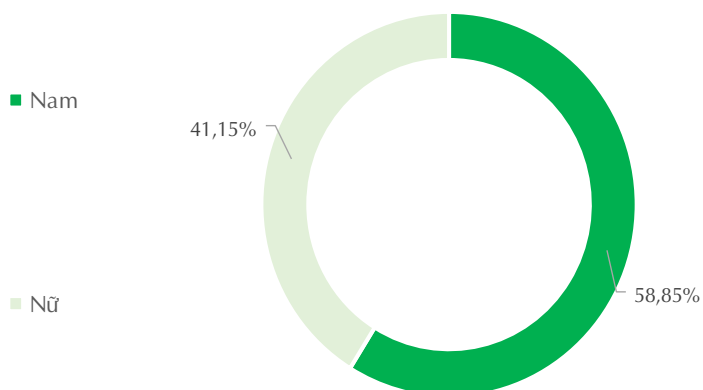
Lao động của BMD chủ yếu là lao động phổ thông chiếm đến 82,53%. Có thể thấy cơ cấu lao động của Công ty phù hợp với tính chất hoạt động của mình. Hoạt động trong ngành đô thị môi trường, Công ty cần nhiều lao động có sức khỏe, nhanh nhẹn, không yêu cầu quá cao về trình độ. Người lao động cần chăm chỉ, cần cù để chịu được lượng công việc hàng ngày khi hiện nay ngày càng nhiều đô thị mới, nhu cầu sử dụng dịch vụ tăng cao. Vì vậy, Công ty luôn quan tâm và đưa ra các chính sách phù hợp nhằm khuyến khích người lao động.

### Phân loại theo loại hợp đồng



Trong 418 lao động của BMD có 319 người là lao động không xác định thời hạn, chiếm 76,32%; 99 người là lao động được Công ty ký hợp đồng có thời hạn, chiếm 23,68%. Với quá trình hình thành lâu năm, Công ty đã và đang tiếp tục cố gắng xây dựng đội ngũ lao động ổn định, chất lượng, có kinh nghiệm để có thể hoàn thiện bộ máy quản lý tốt nhất. Với đặc thù kinh doanh nên phần lớn lao động của Công ty ký hợp đồng không xác định thời hạn nhằm đảm bảo lượng lao động cần thiết, ổn định cho hoạt động kinh doanh được diễn ra thuận lợi.

### Phân loại theo giới tính



BMD hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công cộng trong thời gian dài, với tính chất công việc thường xuyên phải làm trong môi trường ngoài trời, nặng nhọc, độc hại, công việc rất vất vả. Do đó, lao động là những người yêu cầu phải có sức khỏe, chăm chỉ, chịu khó nên tỷ lệ nam giới và nữ giới trong Công ty không chênh lệch nhiều, chiếm lần lượt là 58,85% và 41,15%.

## Chính sách nhân sự

### Về đào tạo, tuyển dụng

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những mục tiêu ưu tiên hàng đầu của Công ty. Vì thế đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao kiến thức cũng như kỹ năng nghề nghiệp cho nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Việc tuyển dụng được triển khai một cách công bằng theo quy chế, đồng thời phân công công việc phù hợp khả năng trình độ của nhân viên giúp Công ty tìm ra những ứng viên có đủ năng lực chuyên môn, đạo đức và trách nhiệm trong công việc.

### Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Tất cả người lao động trong Công ty đều được ký hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật. Tiền lương, tiền thưởng thực hiện đúng quy định về Quy chế tiền lương, thưởng do Hội đồng quản trị ban hành, đảm bảo công bằng cho người lao động. Ngoài ra, Công ty xây dựng chế độ cho một số bộ phận làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại về bồi dưỡng bằng hiện vật, chế độ ăn giữa ca, cũng như Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động, khám sức khỏe định kỳ nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động; Chi trả trợ cấp thôi việc đầy đủ cho người lao động nghỉ việc theo quy định của Bộ luật Lao động.

### Môi trường công việc

Công ty trang bị đầy đủ phương tiện và công cụ lao động đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn. Đối với những công việc có yếu tố độc hại và nguy hiểm, các trang thiết bị bảo hộ chuyên dùng đều được cung cấp cho người lao động giúp bảo vệ sức khỏe và đảm bảo an toàn khi làm việc. Các phương tiện vận chuyển được kiểm định theo quy định, sửa chữa thường xuyên; đại tu máy móc sửa chữa lớn hàng năm, mua bảo hiểm đầy đủ đảm bảo an toàn khi lưu thông trên đường.

Trong quy chế tiền lương, Công ty có xây dựng chính sách ưu đãi về lương đối với các trường hợp đặc biệt là những lao động có tay nghề cao, nghiệp vụ tốt, đáp ứng được yêu cầu công việc của Công ty. Công ty không chỉ chăm lo cho người lao động về mặt vật chất, mà đời sống tinh thần cũng được coi trọng. Hàng năm, Công ty thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên cũng như quyên góp giúp đỡ những gia đình công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà cho các cháu là con em người lao động vào dịp Trung thu, Tết thiếu nhi, các cháu có thành tích trong học tập cuối năm ... Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức cho người lao động tham quan, nghỉ dưỡng nhằm tái tạo sức lao động tạo động lực cho người lao động chuyên tâm phục vụ tốt công việc được giao vào những dịp lễ đặc biệt, Công ty cũng tạo ra các sân chơi về thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ nhằm nâng cao chất lượng đời sống tinh thần cho người lao động.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Chỉ tiêu  | ĐVT  | Năm 2018 | Năm 2019 |
|---|------|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>                            |      |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn   | Lần  | 1,32     | 1,32     |
| Hệ số thanh toán nhanh  | Lần  | 1,31     | 1,28     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                                     |      |          |          |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản   | %    | 69,68    | 65,18    |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu   | %    | 229,87   | 187,19   |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                             |      |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho  | Vòng | 65,00    | 45,82    |
| Vòng quay tổng tài sản  | Vòng | 0,82     | 0,93     |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                              |      |          |          |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                          | %    | 3,35     | 6,37     |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân                 | %    | 9,07     | 18,11    |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân                   | %    | 2,74     | 5,89     |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần | %    | 4,29     | 8,92     |



# TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## Cơ cấu cổ đông

| STT              | Loại cổ đông       | Số cổ phiếu      | Giá trị (đồng)   | Tỷ lệ sở hữu          |
|------------------|--------------------|------------------|------------------|-----------------------|
| I                | Cổ đông Nhà nước   | 1.458.400        | 14.584.000.000   | 52,97%                |
| II               | Cổ đông nội bộ     | 936.129          | 9.361.290.000    | 34,00%                |
| III              | Cổ đông trong nước | 358.752          | 3.587.520.000    | 13,03%                |
| 1                | Cá nhân            | 215.960          | 2.159.600.000    | 7,84%                 |
| 2                | Tổ chức            | 142.792          | 1.427.920.000    | 5,19%                 |
| <b>Tổng cộng</b> |                    | <b>2.753.280</b> | <b>2.753.280</b> | <b>27.532.800.000</b> |

## Danh sách cổ đông lớn

| STT | Tên cổ đông             | Phân loại cổ đông |                      | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ CP nắm giữ |
|-----|-------------------------|-------------------|----------------------|---------------------|------------------|
|     |                         | Nhà nước          | Cá nhân/tổ chức khác |                     |                  |
| 1   | UBND tỉnh Bình Thuận    | x                 |                      | 1.458.400           | 52,97            |
| 2   | Công ty TNHH Nhật Hoàng |                   | x                    | 368.058             | 13,37            |
| 3   | Lê Quang Huy            |                   | x                    | 434.271             | 15,77            |

Trong năm, Công ty không thực hiện thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu, không có các giao dịch cổ phiếu quỹ và các chứng khoán khác.



# TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

### Tiêu thụ năng lượng

Hoạt động kinh doanh của Công ty là dịch vụ môi trường, vì thế việc sử dụng điện phục vụ hoạt động SXKD là không đáng kể. Năng lượng được Công ty sử dụng chính là dầu nhiên liệu phục vụ trong việc vận hành các phương tiện tưới tiêu, máy cắt cỏ, vận chuyển rác... ít gây tác động xấu đến môi trường và xã hội. Đối với hệ thống chiếu sáng của thành phố Phan Thiết được Công ty vận hành, theo chế độ tiết kiệm điện, nguồn điện cung cấp đúng quy định, có kế hoạch cắt điện hợp lý theo từng khu vực và thời gian hợp lý.

### Tiêu thụ nước

Công ty quản lý việc tưới tiêu cho mảng cây xanh của thành phố Phan Thiết, quá trình sử dụng nguồn nước đảm bảo chất lượng, tưới đúng kỹ thuật, tiết kiệm, tránh vương vãi trong quá trình vận chuyển. Việc sử dụng nước tiết kiệm nhằm mục đích mang đến cho thành phố mảng xanh tươi mát, đồng thời đảm bảo tiết kiệm kinh phí chăm sóc hàng năm cho ngân sách nhà nước.

## Chính sách liên quan người lao động

Các chế độ cho người lao động được Công ty thực hiện theo đúng quy định của Luật Lao động: trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức cho cán bộ công nhân viên khám sức khỏe định kỳ,... Ngoài ra, môi trường làm việc cũng thực hiện tuân thủ theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và xã hội.

Về tiền lương, thưởng, các khoản phải trả cho người lao động, BMD luôn đảm bảo thực hiện phân bổ quỹ tiền lương theo năng suất và lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt. Quỹ tiền lương sau khi Quyết toán được Công ty tiến hành lập phương án tiền lương thông qua các bộ phận trước khi Ban Lãnh đạo phê duyệt làm cơ sở thanh toán tiền lương còn lại cho người lao động. Tiền thưởng vẫn được thực hiện theo quy chế đã được ban hành về thưởng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ Ban Điều hành.

## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Không chỉ tập trung vào việc kinh doanh để mang lại lợi nhuận, Công ty còn có trách nhiệm cao với cộng đồng địa phương, là đơn vị tài trợ cho các hoạt động về môi trường. Kết hợp với Thành đoàn thành phố Phan Thiết thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm cộng đồng của Công ty như hưởng ứng Giờ Trái đất,

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong những năm qua, các văn bản quy định chi tiết thi hành quy phạm pháp luật, đánh giá tác động môi trường rất nhiều, tuy nhiên trong phạm vi quản lý của đơn vị, Công ty chỉ thực hiện những quy định về quản lý chất thải nguy hại, quản lý chất thải rắn thông thường, quản lý khí thải, quản lý nước thải, quản lý các chất thải đặc thù, quản lý sản phẩm thải bỏ. Công ty thu gom và vận chuyển lượng rác thải của Thành phố đến nơi tập kết để xử lý. Các chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động đều được Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. Trường hợp phát hiện những chất thải nguy hại tại các cơ sở gây ô nhiễm môi trường... Công ty đều có những thông tin báo cáo về cấp trên xử lý đúng quy định.

Công ty được Sở Tài nguyên Môi trường cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải, chất thải nguy hại. Định kỳ báo cáo công tác bảo vệ môi trường cho Sở Tài nguyên Môi trường theo quy định.

Trong năm, Công ty không vi phạm pháp luật về môi trường.



Ngoài chế độ tiền lương thưởng, Công ty còn nộp tiền bảo hiểm bắt buộc cho người lao động (24%), các chế độ về ốm đau, thai sản, bảo hiểm con người khi có ốm đau tai nạn, trợ cấp thôi việc, tiền ăn giữa ca, chế độ bảo hộ lao động, bồi dưỡng hiện vật, tiền hỗ trợ đám tang, hiếu hỷ... Công ty cũng lập quỹ tình thương, quỹ khuyến học, hàng năm tổ chức lễ tuyên dương học sinh giỏi là con em người lao động trong Công ty, tổ chức tham quan du lịch cho người lao động.

ngày môi trường, trao học bổng cho học sinh nghèo vượt khó... trong địa bàn tỉnh Bình Thuận. Trong các dịp lễ, tết, BMD luôn thực hiện, góp phần giữ gìn cảnh quan đô thị và môi trường xanh sạch đẹp cho thành phố: trồng cây, thăm cỏ, vệ sinh, trang trí đèn chiếu sáng đường phố.





## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH  
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH  
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI  
GIẢI TRÌNH CỦA BGD ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRÙ



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## Những khó khăn, thuận lợi trong năm 2019

### + ↑ Thuận lợi

Là Công ty Cổ phần có vốn nhà nước chiếm số CP chi phối với tỷ lệ 52,97% trên vốn điều lệ, doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ công ích, Công ty được sự quan tâm, chỉ đạo của UBND Tỉnh, UBND thành phố, Sở Tài chính và các phòng chức năng Thành Phố.

Năm 2019 UBND Thành phố Phan Thiết thực hiện ký kết hợp đồng đặt hàng với Công ty. Kinh phí được cấp ứng trên cơ sở từ nguồn phân khai kế hoạch tài chính đã được UBND Thành phố phê duyệt hàng năm.

Sản phẩm của Công ty là sản phẩm không thể thay thế và hiện chưa có nhiều doanh nghiệp hoạt động cùng ngành trên địa bàn.

Đầu tư mua sắm 04 xe ô tô chuyên dùng theo đúng quy trình đảm bảo tiết kiệm chi phí, giá thành phù hợp, đáp ứng được kế hoạch phục vụ SXKD, ngoài ra Công ty còn được vay vốn ưu đãi của đơn vị Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam với lãi suất 2,6%/năm ổn định trong thời gian vay vốn.

Công ty có kinh nghiệm nhiều năm và là đơn vị đã hoạt động lâu dài tại địa phương, Công ty đảm bảo nguồn cung đầu vào và nguồn cầu đầu ra cho dịch vụ công ích ổn định.

Đội ngũ lao động trực tiếp của Công ty trên 400 lao động lâu năm, là lao động có nhiều kinh nghiệm, yêu nghề; đặc biệt một số gia đình người lao động có cả 2, 3 thế hệ cùng làm việc tại Công ty nên trách nhiệm đối với công việc cao, thu nhập ổn định người lao động an tâm công tác, gắn bó lâu dài với Công ty.

Người quản lý chủ chốt của Công ty đều là người đại diện vốn nhà nước nên việc tuân thủ, chấp hành các yêu cầu đột xuất của lãnh đạo tỉnh, thành phố hoặc phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương đều luôn đảm bảo kịp thời. Hàng năm, công tác quản lý điều hành sản xuất luôn đảm bảo hoàn thành các tiêu chí do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.



## ⬇️ Khó khăn

Chưa xây dựng kế hoạch thoái vốn nhà nước tại Doanh nghiệp, do doanh nghiệp còn tồn tại một số khó khăn vướng mắc chưa xử lý dứt điểm như công nợ, đơn giá dịch vụ chưa điều chỉnh kịp thời cho doanh nghiệp; Quyết toán Công trình nhà để xe Công ty; Chưa xử lý khoản chênh lệch thuế 423.841.364 đồng tại thời điểm CPH doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực DVCI hiện nay đang gặp khó khăn khi hoạt động cung cấp Dịch vụ công ích không còn là độc quyền đối với Công ty. Công ty phải làm quen với việc đối mặt với áp lực cạnh tranh từ các doanh nghiệp khác, chủ yếu là trên lĩnh vực công viên cây xanh, điện chiếu sáng THGT.

Giá cả nguyên vật liệu không ổn định sự biến động thị trường đẩy chi phí đầu vào tăng cao. Việc tăng giá nguyên liệu, nhiên liệu ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, đơn giá đặt hàng của Công ty trong khi các Sở ngành xây dựng định mức quá thấp đã ảnh hưởng đến tình hình điều hành hoạt động của Doanh nghiệp. Do đô thị hóa ở thành phố Phan Thiết vẫn trong giai đoạn phát triển nên lượng rác trong dân còn rất lớn, ảnh hưởng đến công tác thu gom vận chuyển. Bên cạnh đó, một số bộ phận người dân vẫn có xu hướng tự đem rác ra đổ ở những nơi công cộng, hủy hoại cây xanh, phá hoại hệ thống chiếu sáng. Ý thức của một bộ phận nhân dân còn hạn chế trong việc giữ gìn vệ sinh công cộng và bảo vệ các công trình hạ tầng đô thị.

Các phương tiện chuyên dùng như xe vận tải, xe ép rác, thuyền vớt rác ... vừa thiếu, vừa xuống cấp do đầu tư đã lâu thường xuyên hư hỏng, Công ty gặp nhiều khó khăn trong khâu thu gom, vận chuyển rác thải.

Việc cấp tạm ứng kinh phí hoạt động hàng tháng chưa đầy đủ và kịp thời, nhất là vào những tháng cao điểm cuối năm; công tác thanh toán giá trị sản lượng dịch vụ công ích và các hoạt động dịch vụ khác của UBND Thành phố Phan Thiết còn triển khai quá chậm, ảnh hưởng đến công tác quyết toán bàn giao vốn và tài sản từ Công ty Nhà nước sang Công ty CP (bàn giao vốn trong tháng 01/2019), gây chậm trễ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm (năm 2019 Công ty xin gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông đến ngày 30/6/2019).

Sau khi chuyển đổi chủ sở hữu từ Công ty nhà nước sang Công ty CP, Công ty chưa thực hiện giải quyết chế độ mất việc cho người lao động từ năm 2008 trở về trước và Công ty CP đã tiếp tục kế thừa thanh toán chế độ mất việc làm cho người lao động.

Tỷ lệ Chi phí quản lý chung do UBND tỉnh xác định chỉ bằng 1/2 mức quy định của Bộ Xây dựng tại Thông tư 14/2017/TT-BXD ngày 28/12/2017 nên khó khăn cho công tác điều hành hoạt động của doanh nghiệp.



## Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019

| STT | Khoản mục            | Năm 2018 | Năm 2019 | % tăng giảm |
|-----|----------------------|----------|----------|-------------|
| 1   | Doanh thu thuần      | 81.836   | 91.646   | 11,99%      |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | 3.449    | 7.493    | 117,24%     |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế   | 2.740    | 5.836    | 112,98%     |

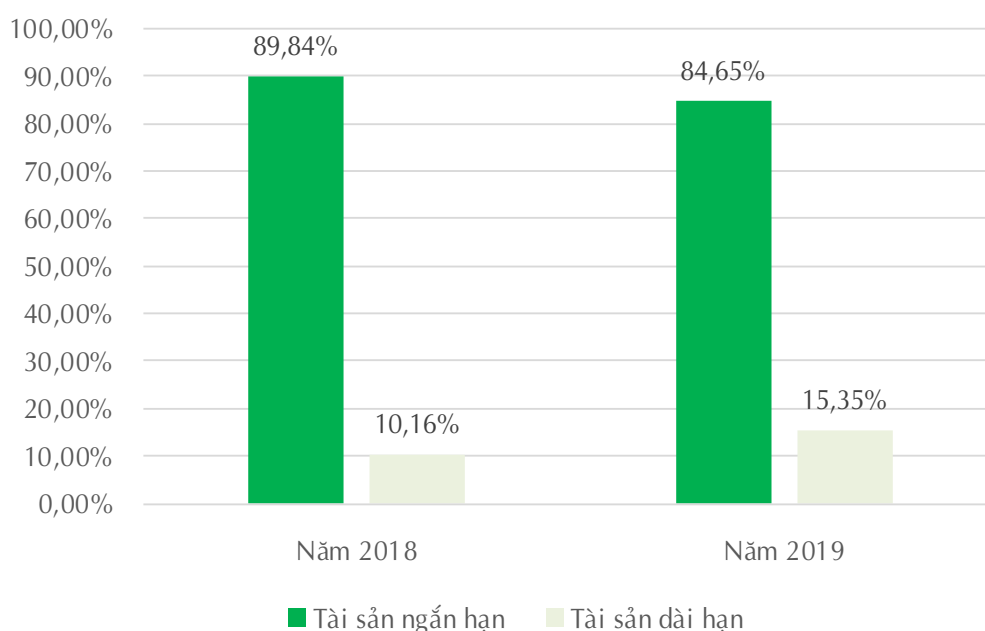
Năm 2019 là một năm thành công đối với Công ty khi có kết quả kinh doanh đầy ấn tượng. Cụ thể hơn, doanh thu thuần đạt gần 92 tỷ đồng, tăng gần 12% so với cùng kỳ năm 2018. Tính riêng trong nửa cuối năm 2019, Công ty đã mang lại hơn 57 tỷ đồng chủ yếu đến từ doanh thu dịch vụ công ích tăng. Giá vốn hàng bán trong năm nay cũng tăng không đáng kể; từ đó, lợi nhuận sau thuế đạt gần 6 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm 2018. Trong năm vừa qua,

BMD đã tập trung vào việc chuyên môn hóa lĩnh vực hoạt động chính; thực hiện tu sửa các trang thiết bị, kho bãi nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ trong lĩnh vực dịch vụ công ích. Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận đã cố gắng thực hiện mục tiêu và kế hoạch đã đề ra, mang đến những giá trị bền vững cho môi trường, nhân viên và cộng đồng là mục tiêu hàng đầu của Công ty.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

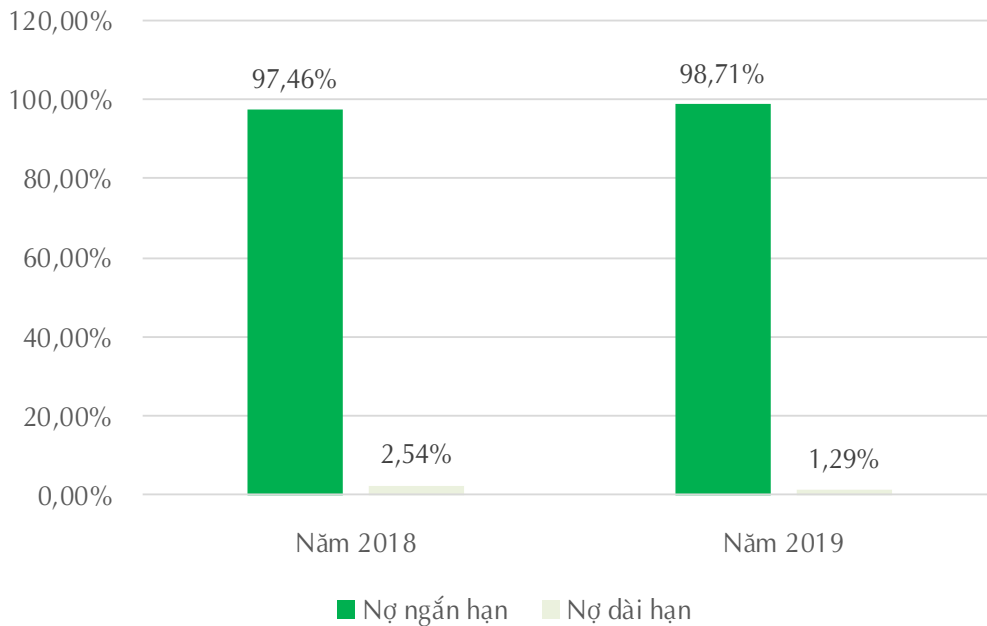
| Chỉ tiêu                | 31/12/2018           |                | 31/12/2019           |                | % tăng giảm   |
|-------------------------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|---------------|
|                         | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%)   | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng (%)   |               |
| Tài sản ngắn hạn        | 90.302               | 89,84%         | 82.571               | 84,65%         | -8,56%        |
| Tài sản dài hạn         | 10.208               | 10,16%         | 14.971               | 15,35%         | 46,66%        |
| <b>Tổng tài sản</b>     | <b>100.510</b>       | <b>100,00%</b> | <b>97.543</b>        | <b>100,00%</b> | <b>-2,95%</b> |
| Nợ ngắn hạn             | 68.260               | 97,46%         | 62.758               | 98,71%         | -8,06%        |
| Nợ dài hạn              | 1.780                | 2,54%          | 820                  | 1,29%          | -53,93%       |
| <b>Tổng nợ phải trả</b> | <b>70.040</b>        | <b>100,00%</b> | <b>63.578</b>        | <b>100,00%</b> | <b>-9,23%</b> |



Tính đến cuối năm 2019, tổng tài sản của Công ty giảm gần 3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2018. Với đặc thù ngành dịch vụ môi trường, tài sản ngắn hạn chủ yếu phục vụ cho các hoạt động thường xuyên. Vì vậy, chỉ tiêu này vẫn được Công ty duy trì hơn 80% trong cơ cấu tổng tài sản. Nhìn chung, tài sản ngắn hạn giảm 8,56% so với cuối năm 2018. Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn đã từng chiếm phần lớn giá trị trong tài sản ngắn hạn tính đến nay đã thay đổi đáng kể khi giảm hơn 45 tỷ đồng. Thay vào đó, tiền và các khoản tương đương tiền tăng đột biến gần 37 tỷ đồng ở cuối năm 2019. Giải trình cho việc này là do trong năm qua, Công ty đã đẩy mạnh việc thu hồi nợ của khách hàng mà chủ yếu

đến từ UBND Thành phố Phan Thiết. Bên cạnh đó, Công ty cũng có khoản tiền gửi ngắn hạn là 9 tỷ đồng và hơn 35 tỷ tiền gửi không kỳ hạn nhằm đảm bảo khả năng chi trả cho việc tu sửa, mua sắm máy móc mới cho việc kinh doanh sang năm.

Cuối năm 2018, nhận thấy việc Các tài sản cố định giá trị lớn đã khấu hao gần hết, Công ty đã đầu tư thêm hơn 7,2 tỷ cho việc mua sắm các phương tiện vận tải truyền dẫn trong năm 2019 nhằm tiếp tục hoạt động kinh doanh ổn định trong thời gian tiếp theo. Điều đó góp phần làm tăng tài sản dài hạn hơn 46% so với cùng kỳ năm trước. Các chỉ tiêu khác trong tài sản dài hạn thay đổi không đáng kể.



Nợ ngắn hạn chiếm hơn 98% trong cơ cấu nợ của Công ty tại thời điểm 31/12/2019. Tổng nợ phải trả cuối năm 2019 đạt hơn 63 tỷ đồng, giảm 9,23% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, phải trả người lao động chiếm giá trị nợ ngắn hạn bởi đặc trưng ngành nghề kinh doanh dịch vụ môi trường của Công ty. Nhìn chung, hầu hết các chỉ tiêu trong nợ ngắn hạn đều giảm, đặc biệt chi phí phải trả giảm nhiều nhất gần 6 tỷ đồng đến từ các khoản trích

trước chi phí công trình có nguồn vốn đầu tư của nhà nước hiện đang dần quyết toán. Ngoài ra, phải trả người bán tăng gần 6 tỷ đến từ việc Công ty có hợp đồng với Công ty CP Vận tải TM Xây dựng Công nghiệp Đức Long. Các khoản vay tài chính ngắn hạn và dài hạn trong năm đều là khoản vay Quỹ bảo vệ môi trường theo Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường nhằm đầu tư mua xe chuyên dùng giai đoạn 2016 - 2021.

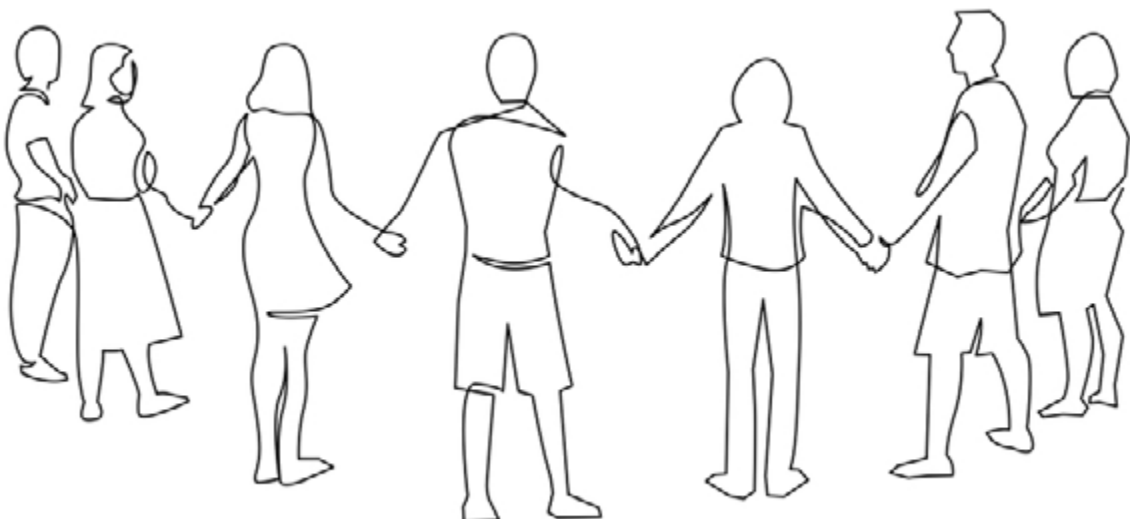
## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

### Về vấn đề lao động

Công ty quan tâm đến mục tiêu cung cấp môi trường làm việc tốt để làm việc, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và chăm sóc sức khỏe, tinh thần và vật chất của nhân viên.

### Về trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Công ty luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao đối với giá trị con người, thông qua việc giữ vững môi trường xanh, cung cấp dịch vụ chất lượng nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho cộng đồng.



# CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Về nhân sự

Thu nhập bình quân người lao động trong Công ty được duy trì ổn định, thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho người lao động đúng quy chế lương thưởng của Hội đồng quản trị ban hành. Chính sách tiền lương, tiền thưởng tạo động lực cho người lao động nâng cao năng suất lao động, yên tâm công tác.

Xây dựng và nâng cao năng lực quản trị nhân sự ngày càng chuyên nghiệp, ngang tầm với từng bước phát triển của Công ty. Tăng cường, khuyến khích các hình thức tập huấn đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn lực phát triển của Doanh nghiệp.

## Về quyết toán sản lượng dịch vụ với chủ đầu tư

Công ty tích cực đẩy nhanh tiến độ quyết toán giá trị sản lượng dịch vụ công ích đô thị với UBND Thành phố Phan Thiết để hoàn tất hồ sơ bàn giao vốn và tài sản từ Công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần, đồng thời triển khai Đại hội đồng cổ đông thường niên đúng theo quy định, đảm bảo chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

## GIẢI TRÌNH CỦA BGD ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRÙ

**Về vấn đề này, chúng tôi giải trình như sau:**

- Khoản chi phí phải trả ngắn hạn liên quan đến các khoản trích trước giá vốn chi phí công trình của các năm trước, với số tiền trích trước lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2019 là 11.320.286.859 đồng. Khoản trích trước này hiện tại chưa có hóa đơn, chứng từ đầy đủ làm cơ sở cho việc quyết toán nội bộ của Công ty, mặt khác các công trình XDCB được sử dụng nguồn vốn từ NSNN và chưa được các chủ đầu tư phê duyệt quyết toán, do đó Công ty chưa có cơ sở để thanh toán chi phí công trình cho các Đợi.
- Về Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019: Theo quy định Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của Công ty sẽ được Sở Tài chính; Sở Lao động Thương binh và Xã hội thẩm định sau đó

## Về cơ cấu tổ chức

Để bộ máy nhân sự Công ty nhằm đảm bảo mang lại hiệu quả, Ban Điều hành đã triển khai tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng tinh gọn, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị.

## Về chính sách quản lý

Trong năm Công ty bổ sung điều chỉnh các quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế tiền lương, tiền thưởng để phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

## Về phát triển sản phẩm và dịch vụ mới

Sau khi cổ phần hóa, kèm với tính chất đặc thù của ngành dịch vụ công ích, BMD bị hạn chế trong danh mục các sản phẩm của mình, thiếu các sản phẩm tiềm năng, mang tính đột phá cao. Đây vừa là thách thức nhưng cũng đồng thời là cơ hội để Công ty có thể thay đổi mô hình hoạt động nhằm mở rộng quy mô và lĩnh vực sản xuất, nâng cao hiệu quả cho Công ty.

trình UBND Tỉnh thống nhất. Sau khi có ý kiến thống nhất của UBND tỉnh Bình Thuận, Hội đồng quản trị sẽ ban hành Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 của người lao động và người quản lý Công ty.

Hiện nay Công ty đã có văn bản gửi các Sở đề nghị Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2019, tuy nhiên đến nay Công ty vẫn chưa được UBND Thành phố phê duyệt về sản lượng dịch vụ công ích đặt hàng năm 2019, do đó Sở Tài chính và Sở Lao động thương binh và xã hội chưa thẩm định để trình UBND Tỉnh. Sau khi UBND Tỉnh có ý kiến thống nhất về Quỹ tiền lương thực hiện năm 2019, Hội đồng quản trị sẽ quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 cho người lao động và người quản lý Công ty.





## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH  
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC  
KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Công ty hoạt động sản xuất theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty. Công ty đã thực hiện vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra:

|  |   |   |
|--|---|---|
| <b>Tổng doanh thu</b>                    | : | đạt 91,64 tỷ đồng, đạt 112% kế hoạch                  |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                | : | đạt 5,84 tỷ đồng, tăng 166,85% so với kế hoạch đề ra; |
| <b>Nộp ngân sách</b>                     | : | 7,55 tỷ đồng;   |
| <b>Thu nhập bình quân người lao động</b> | : | 7,87 triệu đồng/tháng                                 |

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty thực hiện theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị thường xuyên nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh hàng tháng và kịp thời kiểm tra, chỉ đạo Ban Điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định pháp luật, thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT đã ban hành.

Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết, Quyết định HĐQT theo tiến độ triển khai thực hiện, Ban Giám đốc báo cáo kết quả triển khai theo từng nội dung thực hiện cho HĐQT để theo dõi; giám sát cụ thể: Tình hình thực hiện các hoạt động dịch vụ đô thị công ích, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định và sửa chữa lớn tài sản cố định và việc thực hiện các định mức đầu tư, kinh tế kỹ thuật, lao động, tiền lương...

Ban Giám đốc cũng xây dựng kế hoạch và đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, sau đó trình

lên HĐQT kiểm tra, nhận xét và bổ sung. Từ đó, thực hiện kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh phù hợp với tình hình kinh tế và Kế hoạch tài chính Công ty.

Ban Điều hành Công ty đã có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2019 để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện công bố thông tin đúng theo thời gian quy định.

Hội đồng quản trị bước đầu đánh giá cao về sự nỗ lực của Ban Giám đốc và các phòng, đội của Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm 2019 do ĐHĐCĐ đề ra. Để có được kết quả kinh doanh năm vừa qua là sự cố gắng rất lớn của Ban điều hành và tập thể người lao động toàn Công ty, trên cơ sở tuân thủ nghiêm túc.

Hoàn thành các tiêu chí theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên, đảm bảo hài hòa lợi ích doanh nghiệp, cổ đông và người lao động.



## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Năm 2020 là năm doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn trong công tác chỉ đạo điều hành doanh nghiệp; là năm đầu tiên thực hiện đấu thầu trên toàn bộ các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp; mặt khác diễn biến dịch bệnh Covid - 19 lan rộng trên toàn cầu đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế của Việt Nam, đặc biệt là ngành du lịch nói chung và của tỉnh Bình Thuận nói riêng. Từ lâu du lịch đã là nguồn thu ngân sách ổn định của tỉnh Bình Thuận, thời gian qua việc cách ly, hạn chế người dân đi lại đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Dù khó khăn HĐQT Công ty quyết tâm Xây dựng kế hoạch phát triển theo hướng bền vững, gắn liền lợi ích Công ty với lợi ích người lao động và cổ đông gắn với cộng đồng, chú trọng thực hiện các giải pháp sau:

- Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát chặt chẽ sự điều hành của Ban Giám đốc Công ty, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, đổi mới phương thức quản lý, khuyến khích tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công ích đẩy mạnh hoạt động kinh doanh dịch vụ khác, áp dụng các phương án khoán mang lại hiệu quả ở một số lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Phấn đấu đạt tổng doanh thu, lợi nhuận thực hiện và mức chi trả cổ tức, nộp ngân sách Nhà nước hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.
- Triển khai phương án trả nợ vay vốn Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam theo đúng phương án đã phê duyệt của Hội đồng quản trị và Hợp đồng vay vốn với Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam;
- Thực hiện tốt Công tác thu gom vận chuyển rác về nhà máy xử lý rác của Thành phố Phan Thiết .
- Củng cố năng lực, nghiên cứu phương án SXKD hiệu quả nhất để tham gia đấu thầu trên toàn bộ các lĩnh vực hoạt động: Công viên cây xanh,
- Điện chiếu sáng, thu gom vận chuyển rác ...trên địa bàn thành phố Phan Thiết năm 2020 theo chủ trương của UBND Tỉnh.
- Tiếp tục đẩy nhanh tốc độ thu hồi nợ giai đoạn 2017 - 2020 và kế hoạch năm 2020.







## **BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY**

---

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM  
DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT  
HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2019  
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2020  
LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Thành viên        | Chức vụ                          | Số lượng CP sở hữu |          | Tỷ lệ sở hữu |          |
|-----|-------------------|----------------------------------|--------------------|----------|--------------|----------|
|     |                   |                                  | Cá nhân            | Đại diện | Cá nhân      | Đại diện |
| 1   | Trần Mạnh         | Chủ tịch HĐQT                    | 19.000             | 522.286  | 0,69%        | 18,97%   |
| 2   | Mai Hữu Việt      | Thành viên HĐQT - Giám đốc       | 2.500              | 468.057  | 0,09%        | 17%      |
| 3   | Trà Thị Thành     | Thành viên HĐQT - Phó giám đốc   | 53.900             | 468.057  | 1,58%        | 17%      |
| 4   | Lê Thị Thanh Thủy | Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng | 33.000             | 0        | 1,20%        | 0%       |
| 5   | Lê Quang Huy      | Thành viên HĐQT                  | 434.271            | 368.058  | 15,77%       | 13,37%   |

## CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| STT | Thành viên BKS    | Chức vụ                          | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp |
|-----|-------------------|----------------------------------|-------------------------|-------------------|
| 1   | Trần Mạnh         | Chủ tịch HĐQT                    | 5/5                     | 100%              |
| 2   | Mai Hữu Việt      | Thành viên HĐQT - Giám đốc       | 5/5                     | 100%              |
| 3   | Trà Thị Thành     | Thành viên HĐQT - Phó giám đốc   | 5/5                     | 100%              |
| 4   | Lê Thị Thanh Thủy | Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng | 5/5                     | 100%              |
| 5   | Lê Quang Huy      | Thành viên HĐQT                  | 5/5                     | 100%              |



## CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM

| STT | SỐ NQ/QĐ    | Ngày       | Nội dung   |
|-----|-------------|------------|--|
| 1   | 01/NQ-ĐHĐCĐ | 30/06/2019 | <p>Thông qua các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2018 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2019;</li> <li>2. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018;</li> <li>3. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2019;</li> <li>4. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2018 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2019;</li> <li>5. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận và mức chia cổ tức năm 2018;</li> <li>6. Thông qua Kế hoạch tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2019;</li> <li>7. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019;</li> <li>8. Thông qua Tờ trình Điều lệ sửa đổi;</li> <li>9. Thông qua Tờ trình Quy chế nội bộ về Quản trị công ty sửa đổi.</li> </ol> |
| 2   | 02/NQ-HĐQT  | 14/11/2019 | Hội đồng quản trị ủy quyền cho ông Mai Hữu Việt ký hồ sơ liên quan đến việc thực hiện vay vốn và cùng trách nhiệm về khoản bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Bình Thuận.  |
| 3   | 03/NQ-HĐQT  | 06/12/2019 | Hội đồng quản trị ủy quyền cho ông Mai Hữu Việt ký hồ sơ liên quan đến việc thực hiện vay vốn và cùng trách nhiệm về khoản bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Bình Thuận.  |
| 4   | 01/QĐ-HĐQT  | 07/01/2019 | Ban hành hệ thống thang lương, bảng lương, phụ cấp lương Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.  |
| 5   | 02/QĐ-HĐQT  | 04/03/2019 | Trích lập quỹ dự phòng tiền lương năm 2018.  |
| 6   | 03/QĐ-HĐQT  | 19/03/2019 | Phê duyệt phương án đầu tư bổ sung phương tiện thu gom, vận chuyển rác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.  |
| 7   | 04/QĐ-HĐQT  | 27/03/2019 | Ban hành Quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.   |
| 8   | 05/QĐ-HĐQT  | 28/03/2019 | Ban hành Quy chế Hội nghị người lao động của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.  |
| 9   | 06/QĐ-HĐQT  | 18/04/2019 | Thành lập Hội đồng mua sắm phương tiện thu gom, vận chuyển rác.  |
| 10  | 07/QĐ-HĐQT  | 25/04/2019 | Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 19/QĐ-HĐQT ngày 14/2/2016 của Hội đồng quản trị về việc Ban hành Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.   |
| 11  | 08/QĐ-HĐQT  | 25/04/2019 | Bổ sung Quyết định số 20/QĐ-HĐQT ngày 15/12/2016 của Hội đồng quản trị về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.   |

|    |            |            |  |
|----|------------|------------|--|
| 12 | 09/QĐ-HĐQT | 05/06/2019 | Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.   |
| 13 | 10/QĐ-HĐQT | 30/06/2019 | Ban hành Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.   |
| 14 | 11/QĐ-HĐQT | 08/07/2019 | Chỉ định thầu đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu Gói thầu số 2: Mua sắm xe ép rác mới 100% thuộc dự án: Đầu tư bổ sung phương tiện thu gom, vận chuyển rác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.          |
| 15 | 12/QĐ-HĐQT | 08/07/2019 | Chỉ định thầu đơn vị tư vấn thẩm định Hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 2: Mua sắm xe ép rác mới 100% thuộc dự án: Đầu tư bổ sung phương tiện thu gom, vận chuyển rác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. |
| 16 | 13/QĐ-HĐQT | 11/07/2019 | Phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 2: Mua sắm xe ép rác mới 100% thuộc dự án: Đầu tư bổ sung phương tiện thu gom, vận chuyển rác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.  |
| 17 | 14/QĐ-HĐQT | 06/08/2019 | Phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương năm 2019 của người quản lý tại Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.  |
| 18 | 15/QĐ-HĐQT | 06/08/2019 | Phê duyệt quyết toán kết quả sử dụng lao động, quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của người quản lý tại Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.  |
| 19 | 16/QĐ-HĐQT | 08/08/2019 | Thành lập Hội đồng Thi đua Khen thưởng.  |
| 20 | 17/QĐ-HĐQT | 15/08/2019 | Phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu số 2: Mua sắm xe ép rác mới 100% thuộc dự án: Đầu tư bổ sung phương tiện thu gom, vận chuyển rác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.   |
| 21 | 18/QĐ-HĐQT | 30/08/2019 | Ban hành Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận.   |
| 22 | 19/QĐ-HĐQT | 03/09/2019 | Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 2: Mua sắm xe ép rác mới 100% thuộc dự án: Đầu tư bổ sung phương tiện thu gom, vận chuyển rác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.   |
| 23 | 20/QĐ-HĐQT | 20/09/2019 | Phê duyệt dự toán Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc và các đội sản xuất Công ty.   |
| 24 | 21/QĐ-HĐQT | 12/12/2019 | Phê duyệt điều chỉnh dự toán Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc và các đội sản xuất Công ty.  |

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên BKS     | Chức vụ    | Số lượng CP sở hữu cá nhân/đại diện | Tỷ lệ CP sở hữu cá nhân/đại diện |
|-----|--------------------|------------|-------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Nguyễn Thị Giác    | Trưởng ban | 4.400                               | 0,16%                            |
| 2   | Bùi Thị Kim Phượng | Thành viên | 6.100                               | 0,22%                            |
| 3   | Võ Thị Thanh Sương | Thành viên | -                                   | -                                |

## HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2019

Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Kiểm tra tính hợp lý, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính 6 tháng, năm 2019. Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo tình hình kinh doanh, xem xét việc ghi chép, cập nhập chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động của Công ty; kiểm soát chi phí, doanh

thu, việc sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

Thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty và thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Giám sát thủ tục đầu tư mua sắm tài sản của Công ty; giám sát quá trình vay vốn đầu tư tài sản của doanh nghiệp;

Giám sát việc tuân thủ, chấp hành các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán.

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tiến hành 04 cuộc họp nhằm triển khai thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát; thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể như sau:

- Ngày 25/03/2019: Ban kiểm soát họp triển khai kế hoạch công tác năm 2019 và phân công nhiệm vụ cho các thành viên; triển khai công tác kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị; thực hiện việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán độc lập; kiểm tra việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán; giám sát tình hình phân phối lợi nhuận, việc trích lập các quỹ; quyết toán quỹ lương; thẩm tra các chỉ tiêu Kế hoạch tài chính năm 2019 và lập báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.
- Ngày 12/8/2019: Ban kiểm soát họp thẩm định báo cáo tài chính, quyết toán hoạt động dịch vụ đô thị 6 tháng đầu năm 2019. Kiểm tra công tác kế toán, công tác quản lý và theo dõi thu hồi công nợ tạm ứng của các Đội xây lắp; Tham gia góp ý kiến sửa đổi, bổ sung quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng của công ty, quy chế chi tiêu nội bộ những vấn đề chưa phù hợp trong Quy chế nội bộ của Công ty; Giám sát công tác đầu tư phương tiện thu gom rác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ngày 10/10/2019: Họp thống nhất chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019; kiểm tra tình hình thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, việc mua sắm vật tư; công tác tuyển dụng lao động, việc ký hợp đồng lao động, thực hiện thỏa ước lao động và thực hiện các chế độ chính sách, tiền lương, tiền thưởng cho người lao động. Kiểm tra việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban giám đốc Công ty trong công tác quản lý điều hành phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ngày 30/12/2019: Ban kiểm soát họp đánh giá kết quả hoạt động của BKS trong năm 2019 và xây dựng kế hoạch công tác năm 2020. Kiểm tra khối lượng thực hiện quyết toán dịch vụ công ích và dịch vụ ngoài công ích; kiểm tra chứng từ chi phí, doanh thu, vật tư tồn kho và tài sản cố định chuẩn bị cho công tác lập báo cáo tài chính năm 2019.

Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát cũng thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban.



## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 05 cuộc họp định kỳ, phù hợp với quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị đã ban hành 03 Nghị quyết, 21 Quyết định. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực điều hành doanh nghiệp bằng nhiều biện pháp tích cực trong việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT đã đi vào thực tiễn, tổ chức hoạt động kinh doanh mang lại lợi nhuận, duy trì, bảo toàn vốn của cổ đông. HĐQT và Ban giám đốc đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định; thực hiện các nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Trình tự, thủ tục các phiên họp, việc thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT cơ bản phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; Việc sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ; tích cực phối hợp chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh nhằm ứng phó với những biến động của thị trường; nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

Qua kiểm tra, giám sát quá trình điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc vẫn còn tồn tại một số nội dung cần khắc phục:

- Chưa hoàn tất thủ tục thuê đất tại khu đất nhà để xe và khu đất vườn ươm tại thôn Tiến Bình xã Tiến thành, Thành phố Phan Thiết;
- Chậm phê duyệt Quỹ tiền lương cho người lao động và người quản lý Công ty;
- Chưa kê khai và nộp thuế đúng quy định về luật thuế Giá trị gia tăng và thu nhập doanh nghiệp;
- Công tác thu hồi công nợ và lập hồ sơ quyết toán các công trình xây dựng cơ bản đối với các Đội xây lắp còn chậm tiến độ;

HĐQT Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban giám đốc, kịp thời đưa ra các định hướng và chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, công tác thu hồi công nợ cũng như các hoạt động khác của Công ty. Các thành viên HĐQT, Ban giám đốc Công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Ban Kiểm soát thường xuyên nhận được sự phối hợp từ HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng, Đội trực thuộc Công ty đã cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát khi có yêu cầu. Bên cạnh đó, BKS cũng được mời tham dự hầu hết các cuộc họp HĐQT, Ban Giám đốc và tham gia góp ý kiến nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông. Thông qua việc giám sát, Ban kiểm soát đánh giá trong năm 2019, HĐQT và Ban Giám đốc đã thực hiện đúng đắn các quyền và nhiệm vụ của mình trong quá trình quản lý và điều hành Công ty, tuân thủ Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

## PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2020

Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch năm 2020 như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Kiểm tra tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019; kiểm soát tình hình hoạt động kinh doanh, công tác quản trị, điều hành của HĐQT và Ban giám đốc và lập Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020.
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, năm 2020 đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhập chứng từ, sổ sách kế toán;
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; các hợp đồng kinh tế; việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm chi phí.
- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản, quản lý nợ và thu hồi công nợ, phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ; công tác tiền lương, tiền thưởng và các vấn đề liên quan đến người lao động.
- Tiếp tục rà soát các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty để hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty; các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng điều lệ Công ty và pháp luật.
- Thực hiện các công việc khác quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và quy định pháp luật có liên quan.



## LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

| STT   | Họ và tên          | Thù lao    | Lương       | Thưởng    |
|---|--------------------|------------|-------------|-----------|
| <b>A Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</b> |                    |            |             |           |
| 1   | Trần Mạnh          | 0          | 452.500.000 | 0         |
| 2   | Lê Quang Huy       | 43.200.000 | 0           | 0         |
| 3   | Mai Hữu Việt       | 43.200.000 | 489.300.000 | 0         |
| 4   | Đình Hồng Hà       |            | 234.000.000 | 0         |
| 5   | Trà Thị Thành      | 43.200.000 | 428.940.000 | 2.500.000 |
| 6   | Lê Thị Thanh Thủy  | 43.200.000 | 384.960.000 | 2.500.000 |
| <b>C Ban điều hành</b>                      |                    |            |             |           |
| 1   | Nguyễn Thị Giác    | 0          | 191.900.000 | 2.500.000 |
| 2   | Bùi Thị Kim Phượng | 24.000.000 | 0           | 0         |
| 3   | Võ Thị Thanh Sương | 24.000.000 | 0           | 0         |

Công ty không có giao dịch nội bộ và các hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ.







**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN**



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 449/2020/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 19/03/2020 của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như trình bày tại điểm (\*) của Thuyết minh số 14, trong tổng chi phí phải trả của Công ty có 11.320.286.859 đồng là khoản trích trước chi phí xây lắp các công trình. Tính trung thực và hợp lý của khoản chi phí trích trước này còn tùy thuộc vào chứng từ gốc thanh toán thực tế sau này.
- Công ty đã xây dựng kế hoạch tiền lương và thực hiện trích 42.506.273.280 đồng quỹ lương vào chi phí năm 2019. Tuy nhiên, cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Hội đồng Quản trị của Công ty chưa phê duyệt quỹ lương này.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**



**Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2019

**Đỗ Thị Phượng Thủy – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2019-010-1



CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN  
578 Trần Hưng Đạo, P. Đức Long, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| TÀI SẢN                               | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2019<br>VND     | 01/01/2019<br>VND      |
|---------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>            | <b>100</b> |             | <b>82.571.093.001</b> | <b>90.302.047.596</b>  |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110        | 5           | 45.304.226.185        | 8.444.657.371          |
| 1. Tiền                               | 111        |             | 36.304.226.185        | 8.444.657.371          |
| 2. Các khoản tương đương tiền         | 112        |             | 9.000.000.000         | -                      |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn         | 120        |             | -                     | -                      |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn      | 130        |             | 35.231.683.802        | 80.788.645.186         |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng   | 131        | 6           | 24.027.967.404        | 63.537.160.394         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn   | 132        |             | 100.000.000           | -                      |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác             | 136        | 7           | 11.103.716.398        | 17.251.484.792         |
| IV. Hàng tồn kho                      | 140        | 8           | 2.035.183.014         | 1.068.745.039          |
| 1. Hàng tồn kho                       | 141        |             | 2.035.183.014         | 1.068.745.039          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho     | 149        |             | -                     | -                      |
| V. Tài sản ngắn hạn khác              | 150        |             | -                     | -                      |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>             | <b>200</b> |             | <b>14.971.417.829</b> | <b>10.208.148.521</b>  |
| I. Các khoản phải thu dài hạn         | 210        |             | -                     | -                      |
| II. Tài sản cố định                   | 220        |             | 14.920.622.716        | 9.444.525.221          |
| 1. Tài sản cố định hữu hình           | 221        | 9           | 14.920.622.716        | 9.444.525.221          |
| - Nguyên giá                          | 222        |             | 34.945.961.167        | 28.851.671.697         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế              | 223        |             | (20.025.338.451)      | (19.407.146.476)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình            | 227        |             | -                     | -                      |
| III. Bất động sản đầu tư              | 230        |             | -                     | -                      |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn           | 240        |             | -                     | -                      |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn           | 250        |             | -                     | -                      |
| VI. Tài sản dài hạn khác              | 260        |             | 50.795.113            | 763.623.300            |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn          | 261        | 10          | 50.795.113            | 763.623.300            |
| 2. Tài sản dài hạn khác               | 268        |             | -                     | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>              | <b>270</b> |             | <b>97.542.510.830</b> | <b>100.510.196.117</b> |

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN  
578 Trần Hưng Đạo, P. Đức Long, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

| NGUỒN VỐN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2019<br>VND     | 01/01/2019<br>VND      |
|--|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                          | <b>300</b> |             | <b>63.578.223.240</b> | <b>70.040.224.664</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |             | <b>62.758.223.240</b> | <b>68.260.224.664</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311        | 11          | 8.452.627.984         | 2.780.778.554          |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 312        |             | 24.557.166            | 36.492.429             |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 313        | 12          | 5.214.855.118         | 6.376.260.516          |
| 4. Phải trả người lao động                     | 314        | 13          | 31.145.819.454        | 34.427.223.707         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315        | 14          | 11.692.692.053        | 17.651.126.887         |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319        | 15          | 2.276.541.059         | 3.298.518.165          |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | 320        | 16.a        | 960.000.000           | 960.000.000            |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 322        |             | 2.991.130.406         | 2.729.824.406          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |             | <b>820.000.000</b>    | <b>1.780.000.000</b>   |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                  | 331        |             | -                     | -                      |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn            | 338        | 16.b        | 820.000.000           | 1.780.000.000          |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>400</b> |             | <b>33.964.287.590</b> | <b>30.469.971.453</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> | <b>17</b>   | <b>33.964.287.590</b> | <b>30.469.971.453</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      | 411        | 17          | 27.532.800.000        | 27.532.800.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |             | 27.532.800.000        | 27.532.800.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                              | 411b       |             | -                     | -                      |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển                       | 418        |             | 595.389.453           | 196.973.158            |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        | 17          | 5.836.098.137         | 2.740.198.295          |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       | 17          | -                     | -                      |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       | 17          | 5.836.098.137         | 2.740.198.295          |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>430</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>               |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>440</b> |             | <b>97.542.510.830</b> | <b>100.510.196.117</b> |



Giám đốc

Mai Hữu Việt

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phương

Bình Thuận, ngày 19 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN  
578 Trần Hưng Đạo, P. Đức Long, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU                                    | Mã số | Thuyết minh | Năm 2019<br>VND       | Năm 2018<br>VND       |
|---|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ    | 01    | 19          | 91.646.966.760        | 81.836.145.115        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu             | 02    |             | -                     | -                     |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ | 10    |             | 91.646.966.760        | 81.836.145.115        |
| 4. Giá vốn hàng bán                         | 11    | 20          | 71.104.710.733        | 67.692.126.285        |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ   | 20    |             | <u>20.542.256.027</u> | <u>14.144.018.830</u> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính            | 21    | 21          | 23.767.385            | 96.596.055            |
| 7. Chi phí tài chính                        | 22    | 22          | 146.879.853           | 168.937.879           |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                   | 23    |             | 61.604.113            | 86.960.279            |
| 8. Chi phí bán hàng                         | 25    |             | -                     | -                     |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp             | 26    | 23          | 12.244.692.330        | 10.564.837.748        |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30    |             | <u>8.174.451.229</u>  | <u>3.506.839.258</u>  |
| 11. Thu nhập khác                           | 31    | 24          | 77.654.545            | 3.243.000             |
| 12. Chi phí khác                            | 32    | 25          | 759.526.482           | 61.167.511            |
| 13. Lợi nhuận khác                          | 40    |             | <u>(681.871.937)</u>  | <u>(57.924.511)</u>   |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế       | 50    | 26          | <u>7.492.579.292</u>  | <u>3.448.914.747</u>  |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành             | 51    | 26          | 1.656.481.155         | 708.716.452           |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại              | 52    |             | -                     | -                     |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN                 | 60    |             | <u>5.836.098.137</u>  | <u>2.740.198.295</u>  |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                | 70    | 27          | 1.693                 | 795                   |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu              | 71    | 27          | 1.693                 | 795                   |



Giám đốc  
Mai Hữu Việt

Bình Thuận, ngày 19 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phương

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN  
578 Trần Hưng Đạo, P. Đức Long, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU  | Mã<br>số  | Thuyết<br>minh | Năm 2019<br>VND        | Năm 2018<br>VND        |
|---|-----------|----------------|------------------------|------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>       |           |                |                        |                        |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác        | 01        |                | 130.365.525.825        | 63.123.094.438         |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV             | 02        |                | (28.416.278.022)       | (23.825.262.381)       |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                      | 03        |                | (48.995.025.224)       | (35.702.081.106)       |
| 4. Tiền lãi vay đã trả                                  | 04        | 15,22          | (62.713.447)           | (88.069.613)           |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                    | 05        | 12             | (574.197.232)          | (715.277.877)          |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                | 06        |                | 7.279.036.969          | 6.456.200.587          |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh               | 07        |                | (17.718.445.452)       | (12.570.183.410)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>    | <b>20</b> |                | <b>41.877.903.417</b>  | <b>(3.321.579.362)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>          |           |                |                        |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác        | 21        |                | (2.362.727.273)        | (77.000.000)           |
| 2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác   | 22        |                | 77.654.545             | -                      |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia  | 27        | 7,21           | 16.370.125             | 145.229.388            |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>        | <b>30</b> |                | <b>(2.268.702.603)</b> | <b>68.229.388</b>      |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>      |           |                |                        |                        |
| 1. Tiền trả nợ gốc vay                                  | 34        |                | (960.000.000)          | (960.000.000)          |
| 2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu              | 36        | 17             | (1.789.632.000)        | (1.734.566.400)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>     | <b>40</b> |                | <b>(2.749.632.000)</b> | <b>(2.694.566.400)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                   | <b>50</b> |                | <b>36.859.568.814</b>  | <b>(5.947.916.374)</b> |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                         | 60        |                | 8.444.657.371          | 14.392.573.745         |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61        |                | -                      | -                      |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                 | <b>70</b> |                | <b>45.304.226.185</b>  | <b>8.444.657.371</b>   |



Mai Hữu Việt

Bình Thuận, ngày 19 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phương

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Phan Thiết theo Quyết định số 2377/QĐ – UBND ngày 27/11/2012 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400861721 ngày 29/04/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 1 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào ngày 29/04/2016.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:** Xử lý ô nhiễm, hoạt động quản lý chất thải khác, thu gom, xử lý rác thải, nước thải và chăm sóc công viên, cây xanh công cộng.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh (Trồng hoa, cây cảnh, chăm sóc công viên và cây xanh công cộng);
- Trồng cây lâu năm khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (Ươm giống cây lâm nghiệp);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Giao thông, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện (Thi công lắp đặt hệ thống điện trung - hạ thế, trạm biến áp, điện chiếu sáng, tín hiệu giao thông);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hoàn thiện công trình xây dựng (Trang trí nội, ngoại thất công trình);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.2 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

chính. Theo đó, dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng có khả năng không đòi được.

**4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

**4.4 Tài sản cố định hữu hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u>    | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|------------------------|---------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 25                          |
| Máy móc, thiết bị      | 7                               |
| Phương tiện vận tải    | 7 – 10                          |
| Tài sản cố định khác   | Hết khấu hao                    |

**4.5 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.

### 4.6 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### 4.7 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Phân phối lợi nhuận*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông góp vốn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

**4.10 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu hợp đồng xây dựng
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành;
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

**4.11 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

**4.12 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

**4.13 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

**4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

**4.15 Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT:
  - ✓ Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, dịch vụ chăm sóc cây xanh đường phố, dịch vụ chiếu sáng công cộng, tín hiệu giao thông ... (thuộc mảng dịch vụ công ích): không chịu thuế;
  - ✓ Dịch vụ bán cây xanh: Áp dụng thuế suất 5%
  - ✓ Dịch vụ vệ sinh thuộc mảng dịch vụ công ích, dịch vụ xây dựng công trình; dịch vụ trang trí công trình, các dịch vụ ngoài công ích khác: Áp dụng thuế suất 10%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                      | 31/12/2019            | 01/01/2019           |
|--------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Tiền mặt                             | 800.374.843           | 38.264.983           |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn      | 35.503.851.342        | 8.406.392.388        |
| Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng | 9.000.000.000         | -                    |
| <b>Cộng</b>                          | <b>45.304.226.185</b> | <b>8.444.657.371</b> |

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|   | 31/12/2019            | 01/01/2019            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phòng Tài chính kế hoạch Thành phố Phan Thiết | 20.991.192.495        | 60.225.234.955        |
| Các đối tượng khác                            | 3.036.774.909         | 3.311.925.439         |
| <b>Cộng</b>                                   | <b>24.027.967.404</b> | <b>63.537.160.394</b> |

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

|               | 31/12/2019            |          | 01/01/2019            |          |
|---------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|               | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| Tạm ứng       | 7.878.977.982         | -        | 13.922.150.622        | -        |
| Lãi dự thu    | 7.397.260             | -        | -                     | -        |
| Phải thu khác | 3.217.341.156         | -        | 3.329.334.170         | -        |
| <b>Cộng</b>   | <b>11.103.716.398</b> | <b>-</b> | <b>17.251.484.792</b> | <b>-</b> |

**8. Hàng tồn kho**

|                       | 31/12/2019           |          | 01/01/2019           |          |
|-----------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                       | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc              | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.959.910.287        | -        | 1.068.745.039        | -        |
| Công cụ, dụng cụ      | 75.272.727           | -        | -                    | -        |
| <b>Cộng</b>           | <b>2.035.183.014</b> | <b>-</b> | <b>1.068.745.039</b> | <b>-</b> |

## CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

578 Trần Hưng Đạo, P. Đức Long, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2019.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2019.

**9. Tài sản cố định hữu hình**

|                        | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc<br>thiết bị | P.tiện vận tải<br>truyền dẫn | TSCĐ<br>khác | Cộng                  |
|------------------------|---------------------------|---------------------|------------------------------|--------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                           |                     |                              |              |                       |
| Số đầu kỳ              | 6.562.189.720             | 197.069.000         | 21.980.876.613               | 111.536.364  | 28.851.671.697        |
| Mua sắm trong kỳ       | -                         | -                   | 7.262.727.273                | -            | 7.262.727.273         |
| Thanh lý, nhượng bán   | -                         | -                   | 939.503.000                  | 111.536.364  | 1.051.039.364         |
| Giảm khác              | 117.398.439               | -                   | -                            | -            | 117.398.439           |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>6.444.791.281</b>      | <b>197.069.000</b>  | <b>28.304.100.886</b>        | <b>-</b>     | <b>34.945.961.167</b> |
| <b>Khấu hao</b>        |                           |                     |                              |              |                       |
| Số đầu kỳ              | 4.155.372.136             | 107.690.427         | 15.032.547.549               | 111.536.364  | 19.407.146.476        |
| Khấu hao trong kỳ      | 405.670.498               | 15.985.714          | 1.247.575.127                | -            | 1.669.231.339         |
| Thanh lý, nhượng bán   | -                         | -                   | 939.503.000                  | 111.536.364  | 1.051.039.364         |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>4.561.042.634</b>      | <b>123.676.141</b>  | <b>15.340.619.676</b>        | <b>-</b>     | <b>20.025.338.451</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                           |                     |                              |              |                       |
| Số đầu kỳ              | 2.406.817.584             | 89.378.573          | 6.948.329.064                | -            | 9.444.525.221         |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>1.883.748.647</b>      | <b>73.392.859</b>   | <b>12.963.481.210</b>        | <b>-</b>     | <b>14.920.622.716</b> |

- Không có TSCĐ hữu hình đem đi thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2019.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 13.827.377.350 đồng.

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

|                              | 31/12/2019        | 01/01/2019         |
|------------------------------|-------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 50.795.113        | 185.110.482        |
| Chi phí trả trước khác       | -                 | 578.512.818        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>50.795.113</b> | <b>763.623.300</b> |

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

|   | 31/12/2019           | 01/01/2019           |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty CP Vận tải TM Xây dựng Công nghiệp Đức Long | 4.900.000.000        | -                    |
| Các đối tượng khác                                  | 3.552.627.984        | 2.780.778.554        |
| <b>Cộng</b>   | <b>8.452.627.984</b> | <b>2.780.778.554</b> |

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN  
578 Trần Hưng Đạo, P. Đức Long, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 12. Thuế và các khoản phải trả Nhà nước

|  | Số dư đầu kỳ         | Số phải nộp<br>trong kỳ | Số thực nộp<br>trong kỳ | Số dư cuối kỳ        |
|--|----------------------|-------------------------|-------------------------|----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng                  | 6.032.365.607        | 3.681.733.951           | 6.127.478.435           | 3.586.621.123        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 286.527.141          | 1.656.481.155           | 574.197.232             | 1.368.811.064        |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | 43.764.430           | 152.335.714             | 168.246.617             | 27.853.527           |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất            | -                    | 146.483.997             | 146.483.997             | -                    |
| Các loại thuế khác                     | -                    | 3.000.000               | 3.000.000               | -                    |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 13.603.338           | 746.626.482             | 528.660.416             | 231.569.404          |
| <b>Cộng</b>                            | <b>6.376.260.516</b> | <b>6.386.661.299</b>    | <b>7.548.066.697</b>    | <b>5.214.855.118</b> |

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế.

### 13. Phải trả người lao động

|                               | Số đầu kỳ             | Quỹ tiền lương<br>năm 2019 | Quỹ lương đã<br>chi trả/ hoàn nhập | Số cuối kỳ            |
|-------------------------------|-----------------------|----------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| Phải trả người lao động       | 34.427.223.707        | 53.799.918.292             | 57.081.322.545                     | 31.145.819.454        |
| Trong đó                      |                       |                            |                                    |                       |
| - Quỹ lương theo kế hoạch     | 28.687.643.407        | 42.506.273.280             | 47.122.502.800                     | 24.071.413.887        |
| - Quỹ lương dự phòng 2019 (*) | -                     | 6.713.048.759              | -                                  | 6.713.048.759         |
| - Quỹ lương dự phòng 2018     | 5.387.464.000         | -                          | 5.387.464.000                      | -                     |
| - Các khoản theo lương        | 352.116.300           | 4.580.596.253              | 4.571.355.745                      | 361.356.808           |
| <b>Cộng</b>                   | <b>34.427.223.707</b> | <b>49.219.322.039</b>      | <b>52.509.966.800</b>              | <b>31.145.819.454</b> |

(\*) Quỹ lương dự phòng năm 2019 là 6.713.048.759 đồng đã được Hội đồng quản trị Công ty thông qua bằng Nghị quyết HĐQT số 02/QĐ-HĐQT ngày 28/02/2020.

### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                                    | 31/12/2019            | 01/01/2019            |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Trích trước chi phí công trình (*) | 11.320.286.859        | 17.406.666.274        |
| Trích trước chi phí lãi vay        | 2.056.888             | 3.166.222             |
| Các khoản trích trước khác         | 370.348.306           | 241.294.391           |
| <b>Cộng</b>                        | <b>11.692.692.053</b> | <b>17.651.126.887</b> |

(\*) Các khoản trích trước chi phí công trình phát sinh từ nhiều năm trước nhưng chưa được hoàn chứng từ. Các công trình này chủ yếu từ nguồn vốn nhà nước đầu tư, hiện nay đang được các chủ đầu tư lập thủ tục quyết toán.

## CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

578 Trần Hưng Đạo, P. Đức Long, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. Phải trả khác ngắn hạn**

|                        | 31/12/2019                  | 01/01/2019                  |
|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tạm ứng ngân sách Tỉnh | 2.106.949.561               | 2.524.348.000               |
| Phải trả khác          | 169.591.498                 | 774.170.165                 |
| <b>Cộng</b>            | <b><u>2.276.541.059</u></b> | <b><u>3.298.518.165</u></b> |

**16. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

|                         | Đầu kỳ                    | Tăng<br>trong kỳ          | Giảm<br>trong kỳ          | Cuối kỳ                   |
|-------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Vay dài hạn đến hạn trả | 960.000.000               | 960.000.000               | 960.000.000               | 960.000.000               |
| - Quỹ Bảo vệ môi trường | 960.000.000               | 960.000.000               | 960.000.000               | 960.000.000               |
| <b>Cộng</b>             | <b><u>960.000.000</u></b> | <b><u>960.000.000</u></b> | <b><u>960.000.000</u></b> | <b><u>960.000.000</u></b> |

**b. Dài hạn**

|  | Đầu kỳ                      | Tăng<br>trong kỳ | Giảm<br>trong kỳ          | Cuối kỳ                     |
|--|-----------------------------|------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Vay dài hạn                                | 2.740.000.000               | -                | 960.000.000               | 1.780.000.000               |
| - Quỹ Bảo vệ môi trường                    | 2.740.000.000               | -                | 960.000.000               | 1.780.000.000               |
| <b>Cộng</b>                                | <b><u>2.740.000.000</u></b> | <b><u>-</u></b>  | <b><u>960.000.000</u></b> | <b><u>1.780.000.000</u></b> |
| <i>Trong đó:</i>                           |                             |                  |                           |                             |
| - Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm | 960.000.000                 |                  |                           | 960.000.000                 |
| <b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>    | <b><u>1.780.000.000</u></b> |                  |                           | <b><u>820.000.000</u></b>   |

Vay Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 10-17/TDĐT-QMT/BT ngày 09/10/2017 để đầu tư mua xe vận chuyển chuyên dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2021. Theo đó, tổng mức vay là 3.700.000.000 đồng được đảm bảo bằng bảo lãnh của ngân hàng; thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày nhận khoản vay đầu tiên; lãi suất vay là 2,6%/năm cố định trong thời gian vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

|                      | Vốn góp của<br>chủ sở hữu | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận<br>sau thuế<br>chưa phân phối | Cộng                  |
|----------------------|---------------------------|--------------------------|---|-----------------------|
| Số dư tại 01/01/2018 | 27.532.800.000            | 79.049.162               | 2.358.490.396                           | 29.970.339.558        |
| Tăng trong kỳ        | -                         | 117.923.996              | 2.740.198.295                           | 2.858.122.291         |
| Giảm trong kỳ        | -                         | -                        | 2.358.490.396                           | 2.358.490.396         |
| Số dư tại 31/12/2018 | <u>27.532.800.000</u>     | <u>196.973.158</u>       | <u>2.740.198.295</u>                    | <u>30.469.971.453</u> |
| Số dư tại 01/01/2019 | 27.532.800.000            | 196.973.158              | 2.740.198.295                           | 30.469.971.453        |
| Tăng trong kỳ        | -                         | 398.416.295              | 5.836.098.137                           | 6.234.514.432         |
| Giảm trong kỳ        | -                         | -                        | 2.740.198.295                           | 2.740.198.295         |
| Số dư tại 31/12/2019 | <u>27.532.800.000</u>     | <u>595.389.453</u>       | <u>5.836.098.137</u>                    | <u>33.964.287.590</u> |

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                                  | Năm 2019       | Năm 2018       |
|----------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b> |                |                |
| - Vốn góp đầu kỳ                 | 27.532.800.000 | 27.532.800.000 |
| - Vốn góp tăng trong kỳ          | -              | -              |
| - Vốn góp giảm trong kỳ          | -              | -              |
| - Vốn góp cuối kỳ                | 27.532.800.000 | 27.532.800.000 |
| <b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b> | 1.789.632.000  | 1.734.566.400  |

**c. Cổ phiếu**

|  | 31/12/2019<br>Cổ phiếu | 01/01/2019<br>Cổ phiếu |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành                  |                        |                        |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng               | 2.753.280              | 2.753.280              |
| - Cổ phiếu phổ thông                                 | 2.753.280              | 2.753.280              |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | -                      | -                      |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)        | -                      | -                      |
| - Cổ phiếu phổ thông                                 | -                      | -                      |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | -                      | -                      |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                      | 2.753.280              | 2.753.280              |
| - Cổ phiếu phổ thông                                 | 2.753.280              | 2.753.280              |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | -                      | -                      |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND           |                        |                        |

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN  
578 Trần Hưng Đạo, P. Đức Long, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

|   | Năm 2019             | Năm 2018             |
|---|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang                  | 2.740.198.295        | 2.358.490.396        |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này | 5.836.098.137        | 2.740.198.295        |
| Phân phối lợi nhuận                             | 2.740.198.295        | 2.358.490.396        |
| - Phân phối lợi nhuận kỳ trước                  | 2.740.198.295        | 2.358.490.396        |
| + Trích quỹ đầu tư phát triển                   | 398.416.295          | 117.923.996          |
| + Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý             | 58.910.000           | 51.000.000           |
| + Trích quỹ khen thưởng phúc lợi                | 493.240.000          | 455.000.000          |
| + Trả cổ tức                                    | 1.789.632.000        | 1.734.566.400        |
| <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>        | <b>5.836.098.137</b> | <b>2.740.198.295</b> |

Công ty thực hiện phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2019.

### e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 30/06/2019 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền với tỷ lệ 6,5% vốn điều lệ, tương ứng 1.789.632.000 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức trên trong năm 2019.

### 18. Nợ khó đòi đã xử lý

|  | 31/12/2019         | 01/01/2019         |
|--|--------------------|--------------------|
| Viện Môi trường và Tài nguyên (Thiết kế xử lý rác) | 63.600.000         | 63.600.000         |
| Võ Văn Nhâm  | 30.000.000         | 30.000.000         |
| Nguyễn Thị Thanh Phương                            | 33.810.000         | 33.810.000         |
| Các đối tượng khác                                 | 41.843.298         | 41.843.298         |
| <b>Cộng</b>  | <b>169.253.298</b> | <b>169.253.298</b> |

### 19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

|                                     | Năm 2019              | Năm 2018              |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu dịch vụ công ích          | 82.473.180.508        | 73.262.760.225        |
| Doanh thu hợp đồng duy tu bảo dưỡng | 5.656.240.469         | 5.656.557.994         |
| Trang trí Tết, lễ hội               | 1.277.356.298         | 1.239.006.919         |
| Các khoản doanh thu khác            | 2.240.189.485         | 1.677.819.977         |
| <b>Cộng</b>                         | <b>91.646.966.760</b> | <b>81.836.145.115</b> |



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 20. Giá vốn hàng bán

|                                    | Năm 2019              | Năm 2018              |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn dịch vụ công ích           | 64.665.982.032        | 62.387.068.338        |
| Giá vốn hoạt động duy tu bảo dưỡng | 4.196.760.120         | 4.014.424.208         |
| Trang trí Tết, lễ hội              | 934.058.003           | 784.502.748           |
| Giá vốn khác                       | 1.307.910.578         | 506.130.991           |
| <b>Cộng</b>                        | <b>71.104.710.733</b> | <b>67.692.126.285</b> |

### 21. Doanh thu hoạt động tài chính

|                        | Năm 2019          | Năm 2018          |
|------------------------|-------------------|-------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 23.767.385        | 96.596.055        |
| <b>Cộng</b>            | <b>23.767.385</b> | <b>96.596.055</b> |

### 22. Chi phí tài chính

|                        | Năm 2019           | Năm 2018           |
|------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay        | 61.604.113         | 86.960.279         |
| Phí bảo lãnh khoản vay | 85.275.740         | 81.977.600         |
| <b>Cộng</b>            | <b>146.879.853</b> | <b>168.937.879</b> |

### 23. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

|                                  | Năm 2019              | Năm 2018              |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân công                | 7.565.791.456         | 5.065.915.663         |
| Phân bổ lợi thế thương mại       | 578.512.816           | 1.735.538.451         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 421.656.214           | 657.444.805           |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.775.919.743         | 2.226.019.984         |
| Các khoản khác                   | 902.812.101           | 879.918.845           |
| <b>Cộng</b>                      | <b>12.244.692.330</b> | <b>10.564.837.748</b> |

### 24. Thu nhập khác

|                           | Năm 2019          | Năm 2018         |
|---------------------------|-------------------|------------------|
| Thu nhập từ thanh lý TSCĐ | 77.654.545        | -                |
| Các khoản khác            | -                 | 3.243.000        |
| <b>Cộng</b>               | <b>77.654.545</b> | <b>3.243.000</b> |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***25. Chi phí khác**

|   | Năm 2019           | Năm 2018          |
|---|--------------------|-------------------|
| Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội, phạt hải quan | 746.626.482        | 51.467.511        |
| Các khoản khác  | 12.900.000         | 9.700.000         |
| <b>Cộng</b>   | <b>759.526.482</b> | <b>61.167.511</b> |

**26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|   | Năm 2019             | Năm 2018           |
|---|----------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế   | 7.492.579.292        | 3.448.914.747      |
| <b>Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế</b>  | <b>789.826.482</b>   | <b>94.667.511</b>  |
| - Điều chỉnh tăng   | 789.826.482          | 94.667.511         |
| + Tiền phạt chậm nộp thuế GTGT, nộp phạt hải quan   | 746.626.482          | 51.467.511         |
| + Các khoản chi phí khác không được trừ   | 43.200.000           | 43.200.000         |
| - Điều chỉnh giảm   | -                    | -                  |
| Tổng thu nhập chịu thuế   | 8.282.405.774        | 3.543.582.258      |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>   | <b>1.656.481.155</b> | <b>708.716.452</b> |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này  | 1.656.481.155        | 708.716.452        |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này | -                    | -                  |

**27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu**

|  | Năm 2019        | Năm 2018      |
|--|-----------------|---------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                 | 5.836.098.137   | 2.740.198.295 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế   | (1.175.980.000) | (552.150.000) |
| - Điều chỉnh tăng  | -               | -             |
| - Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)       | 1.175.980.000   | 552.150.000   |
| LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 4.660.118.137   | 2.188.048.295 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ  | 2.753.280       | 2.753.280     |
| <b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>                | <b>1.693</b>    | <b>795</b>    |

Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2018 được xác định lại do thay đổi số liệu các khoản giảm trừ Lợi nhuận sau thuế theo phê duyệt của Đại hội đồng thường niên 2019.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm 2019              | Năm 2018              |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 5.851.593.973         | 5.399.678.869         |
| Chi phí nhân công                | 53.394.702.446        | 49.939.714.604        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.669.231.339         | 2.369.773.392         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 20.479.817.914        | 18.598.536.900        |
| Chi phí khác bằng tiền           | 1.954.057.391         | 1.949.260.268         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>83.349.403.063</b> | <b>78.256.964.033</b> |

**29. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là thực hiện các dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu hủy các loại chất thải, chăm sóc và duy trì cảnh quan ... và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

**30. Quản lý rủi ro****a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

*Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Như trình bày tại thuyết minh số 16, Công ty thực hiện vay vốn dài hạn của Quỹ Bảo vệ Môi trường với lãi suất thấp, cố định là 2,6%/năm. Do đó, Công ty không có rủi ro trọng yếu về biến đổi lãi suất ngoài dự tính.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu hủy chất thải, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá của các yếu tố đầu vào phục vụ cho hoạt động kinh doanh trên. Tuy nhiên, giá cả của các loại nguyên liệu đầu vào này thường ít biến động và ít tồn kho nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh ở mức thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các đơn vị sử dụng nguồn từ Ngân sách Nhà nước. Với đặc thù giao dịch thường xuyên trong nhiều năm, thanh toán gối đầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cho rằng, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

| <b>31/12/2019</b>        | <b>Không quá 1 năm</b> | <b>Trên 1 năm</b>  | <b>Tổng</b>           |
|--------------------------|------------------------|--------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán       | 8.452.627.984          | -                  | 8.452.627.984         |
| Chi phí phải trả         | 2.124.493.649          | -                  | 2.124.493.649         |
| Vay và nợ thuê tài chính | 960.000.000            | 820.000.000        | 1.780.000.000         |
| Phải trả khác            | 2.276.541.059          | -                  | 2.276.541.059         |
| <b>Cộng</b>              | <b>13.813.662.692</b>  | <b>820.000.000</b> | <b>14.633.662.692</b> |

| <b>01/01/2019</b>        | <b>Không quá 1 năm</b> | <b>Trên 1 năm</b>    | <b>Tổng</b>           |
|--------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán       | 2.780.778.554          | -                    | 2.780.778.554         |
| Chi phí phải trả         | 1.843.240.791          | -                    | 1.843.240.791         |
| Vay và nợ thuê tài chính | 960.000.000            | 1.780.000.000        | 2.740.000.000         |
| Phải trả khác            | 3.190.143.498          | -                    | 3.190.143.498         |
| <b>Cộng</b>              | <b>8.774.162.843</b>   | <b>1.780.000.000</b> | <b>10.554.162.843</b> |

Giám đốc cho rằng Công ty hiện không có rủi ro thanh khoản và có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

| <b>31/12/2019</b>                  | <b>Không quá 1 năm</b> | <b>Trên 1 năm</b> | <b>Tổng</b>           |
|------------------------------------|------------------------|-------------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 45.304.226.185         | -                 | 45.304.226.185        |
| Phải thu khách hàng                | 24.027.967.404         | -                 | 24.027.967.404        |
| Phải thu khác                      | 1.325.773.761          | -                 | 1.325.773.761         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>70.657.967.350</b>  | <b>-</b>          | <b>70.657.967.350</b> |

| <b>01/01/2019</b>                  | <b>Không quá 1 năm</b> | <b>Trên 1 năm</b> | <b>Tổng</b>           |
|------------------------------------|------------------------|-------------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 8.444.657.371          | -                 | 8.444.657.371         |
| Phải thu khách hàng                | 63.537.160.394         | -                 | 63.537.160.394        |
| Phải thu khác                      | 1.332.285.765          | -                 | 1.332.285.765         |
| <b>Cộng</b>                        | <b>73.314.103.530</b>  | <b>-</b>          | <b>73.314.103.530</b> |

**CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN**  
578 Trần Hưng Đạo, P. Đức Long, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 31. Thu nhập của thành viên chủ chốt

|   | Năm 2019      | Năm 2018      |
|---|---------------|---------------|
| Thu nhập của Ban Giám đốc                 | 2.124.468.000 | 1.623.480.000 |
| Thù lao Hội đồng quản trị, kiểm soát viên | 220.800.000   | 220.800.000   |

### 32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 33. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi AAC.



Giám đốc

Mai Hữu Việt

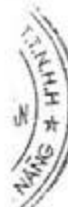
Bình Thuận, ngày 19 tháng 03 năm 2020

Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thủy

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Phương





**Bình Thuận, ngày 14 tháng 4 năm 2020**  
**Người đại diện theo pháp luật**

**Giám đốc**

**Mai Hữu Việt**